ĐÀO TRINH NHẤT

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

và cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên 1917



TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH NHẤT

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

VÀ CUỘC KHỞI-NGHĨA THÁI-NGUYÊN 1.917



TỦ SÁCH
« NHỮNG MẢNH GƯƠNG »
TÂN VIỆT

TRUY-ĐIỆU TẤT CẢ
ANH-HÙNG LIỆT-SĨ
ĐÃ CHẾT VÌ NƯỚC
TỪ 1.861 ĐẾN 1.945.

I

NGƯỜI HỌC-SINH ĐÔNG-DU THỨ NHẤT

Mùa thu năm ất-tỵ (1.905) Phan Sào Nam tiên-sinh từ hải-ngoại lén về được vài ba tháng phải lật đật xuống tàu xuất dương ngay ; vì mật-thám đã dò biết hành-tung, tứ phía bủa lưới tập-nã rất ngặt. Lúc ấy nếu không có Lý Tuệ, người bồi tàu nghĩa-hiệp, tìm cách giúp cho tiên-sinh vừa kịp thoát hiểm thì nhà cách-mệnh đại danh đã phải đút tay vào cùm-xích hai chục năm sớm hơn, và cái biệt-hiệu Sào Nam lừng-lẫy đã không chiếm được những trang đầu lịch-sử hải-ngoại vận-động.

Tháng mười tàu đến Hoành-tân, nhà chí-sĩ ta lên bờ, lại tìm đến khách-sạn quen chuyến trước đã từng ở trọ.

Họ Phan sửng-sốt khi chủ-nhân niềm-nở đón tiếp và kể chuyện cho tiên-sinh biết rằng một người thiếu-niên Việt-nam, ra dáng học-sinh, vừa mới đến đây mấy hôm trơ-trọi một mình, hiện đang trọ ở khách-sạn này. Thiếu-niên dò-hỏi tin-tức và hành-chỉ của tiên-sinh một cách băn-khoăn sốt ruột,

dường như mong-mỏi họp mặt tiên-sinh càng sớm càng hay.

Phan nghe chuyện không khỏi sửng-sốt, vì rằng lúc bấy giờ gọi là dấu chưn người Việt-nam in trên mặt đất Phù-tang, ngoài Tăng Bạt Hổ thì đến mình và Đặng Tử Kính là bọn Đông-độ (vượt bể sang Đông) đầu tiên, trong nước chưa thấy có bạn trai-trẻ nào chịu xông-pha sang Nhật. Chàng thiếu-niên nào đây hẳn là tiên-phong ; tự-nhiên cảm-tưởng chớp-nhoáng của tiên-sinh là sự kinh-ngạc ; nhất là nghe nói người đồng-bào nhỏ tuổi ấy một mình một bóng mà dám mạo-hiểm bỏ nước nhà đi đến một nước khác với mình xa lạ đủ cả mọi bề.

Sự kinh-ngạc trong trí Phan còn tăng thêm độ-lượng khi thấy người chủ khách-sạn tươi-cười mà nói :

— Hơn nữa, tôi nhận thấy vị thiếu-niên quí quốc can-đảm đến nỗi một mình trốn sang tới đây, không có hành-lý gì khác hơn bộ áo cũ-kỹ đang mặc trong người, và xem chừng tiền-bạc hộ thân cũng chẳng còn thì phải.

Cảm-động, Phan khẽ thở dài, không quên nắm lấy cơ-hội để khoa-trương chung cả bạn trẻ nước nhà, đồng thời tìm chỗ bênh-vực cái hành-động quá mạo-hiểm của vị thiếu-niên kia, mặc dầu trong giây-phút ấy chưa biết là ai ?

— Ông nghĩ xem : thanh-niên nước tôi đau lòng vì nỗi vong-quốc, sốt ruột về việc khôi-phục giang-sơn, thì phỏng còn có sự mạo-hiểm nào mà chẳng dám làm ?

— Vâng, tôi cũng nghĩ thế ! người chủ khách-sạn

nắm lấy tay Phan với vẻ ân-cần thành-thực. Tôi thấy người can-đảm đáng quý, lại nghe nói biết tiên-sinh, cho nên rất sẵn lòng để chàng trú-ngụ ở đây, không có một điều gì quản-ngại.

Phan ngỏ lời cảm-tạ ông chủ trọ đã lấy hiệp-nghĩa xử với một đồng-bào ta như thế.

Vừa-vặn lúc thiếu-niên lững-thững từ ngoài cổng tiến vào hai mắt say-sưa dán trên tờ « Tân-dân tùng bán » (của Lương Khải Siêu xuất-bản tại Hoành-tân) mới mua ở ngoài phố và mua với mấy đồng xu sau chót còn dính túi.

Chủ trọ vỗ vai Phan, trỏ tay và nói :

— May-mắn chưa ? Vị thiếu-niên đồng hương của tiên-sinh đi du-lãm đã về đấy !

Thiếu-niên đến gần, Phan vui mừng reo lên. Thấy Phan, thiếu-niên cũng thế, thêm sự kính-cẩn đối với bậc danh-sĩ, với nhà cách-mệnh tiên-phong.

Ô tưởng ai lạ-lùng ? Thiếu-niên tức là Lương-quân Lập Nham, con cụ cử Ôn-Như Lương văn Can, một danh-vọng to-tát trong giới cách-mệnh ở Thăng-long, phàm văn-thân chí-sĩ trong nước đã hoạt-động chống thực-dân không ai không biết tiếng. Mấy năm trước khi xuất dương, Sào Nam tiên-sinh thường ra Bắc-hà, cốt tìm những bạn thanh-khí đồng tâm, có thể cùng nhau bàn-bạc đại sự. Không một chuyến nào ông Giải Phan xứ Nghệ khét tiếng hay chữ, lại quên ghé thăm cụ cử Lương ở phố hàng Đào ; cũng như không một chuyến nào quên sang Bắc-ninh tìm ông cử Nội Duệ hay là xuống Nam-định, lần mò vào nhà cụ đốc Định Trạch để

mật hội với ông Mai Sơn Nguyễn thượng Hiền lúc ấy tuy đang ngồi ghế đốc-học Nam-định rồi đổi vào Ninh-bình, nhưng đã lập tâm chỉ đợi cơ-hội là treo ấn từ quan ra ngoài hoạt-động cứu quốc.

Phan đem lòng kính-mộ ngay buổi hội-diện đầu tiên, vì nhận thấy cả nhà cụ cử Ôn Như, từ cha đến con đều thiết-tha yêu nước và hết sức hăng-hái về việc cách-mệnh, không sợ tốn tiền, không ngại đổ máu. Cụ xuất tiền hàng nghìn hàng vạn (vì nhà vốn giàu) để tiếp-tế phong-trào văn thân ; ba người con trai lớn là Trúc Đàm (đỗ cử-nhân), Lập Nham và Nghị Khanh (đỗ tú-tài) cùng hăng-hái sấn-sổ về các cuộc vận-động chống thực-dân, dành lại chủ quyền độc-lập cho tổ-quốc.

Bởi thế, đến lúc tầm con mắt có thể nhìn rõ diện-mục một người, Phan nhận ngay ra thiếu-niên không phải ai xa la, chính là Lương-quân Lập Nham ; thôi thì tay bắt mặt mừng, tình-tứ gặp nhau ở chốn tha hương thật là khó tả. Thử thời số người Việt-nam bôn-tẩu sang Nhật còn là một số rất hiếm-hoi, huống chi một ban trẻ đánh liều vượt biển với hai bàn tay trắng chỉ vì bầu máu giết thù cứu nước sôi lên sùng-sục.

Với vọng nói kiên-quyết rắn-rỏi, xứng đáng bộ cằm vuông và cặp mắt sáng quắc, hai dấu tỏ nghị-lực giàu hơn người, ông Lương Lập Nham kể tóm-tắt tình-cảnh mình Đông-độ trải bao nguy-hiểm gian-nan mà ông đánh liều vượt được, chỉ có lập chí tha-thiết là mong đem cánh tay và giọt máu đóng góp vào công-cuộc hoạt-động cứu-quốc của các bậc đàn anh, hầu giải-thoát cho nước nhà khỏi

xiềng-xích nô-lệ. Những sở-vọng cấp-bách rung-động trong óc thanh-niên lúc này là sự cầu học ; trước hết là binh-học tân-thời mà Tổ-quốc đang cần-dùng. Bấy lâu ta kém thua quân thù môn học ấy, không trách phải vấp ngã từ thất-bại nọ đến thất-bại kia.

Đó là câu chuyện, một buổi sáng mùa xuân năm 1.932, ngồi trước ấm trà liên-tâm ngào-ngạt tròng tòa nhà lá, bên giốc Nam-giao, Phan tiên-sinh vui-vẻ thuật cho chúng tôi nghe, đáp lại câu chúng tôi hỏi một vài kỷ-niệm ban đầu giữa tiên-sinh và người anh-hùng khởi-nghĩa Thái-nguyên.

Tiên-sinh kết-thúc rằng : còn nhớ hồi bấy giờ tiên-sinh mừng quá, ôm lấy Lương-quân vồn-vã ngợi khen :

— « *Chao ôi ! Nếu thanh-niên nước nhà hết thảy giàu khí-phách, có chí kiên-cường mạo-hiểm như anh, thì chúng ta sẽ có phép rút đất của Phí trường Phòng, để thu rút con đường giết thù phục quốc ngắn đi được bao nhiêu dặm mà nói !* »

. · .

Thêm vào câu chuyện kỷ-niệm ấy, chúng tôi tưởng nên trích một đoạn sách « Ngục-trung thư ».

— Còn 8 ngày nữa thì hết năm quý-sửu (1913) họ Phan đang ở tỉnh Quảng-đông, chợt bị đô-đốc Long tế Quang bắt hạ ngục, giam chung một xà-lim với ông Mai lão Bạng, một vị cố-đạo Thiên-chúa, người tỉnh Nghệ-an cũng bỏ nước ra ngoài hoạt-động cách-mệnh bấy lâu.

Theo lời yêu-cầu của toàn-quyền Đông-dương

lúc đó là A. Sarraut, Long tế Quang bắt giam nhà lãnh tụ cách-mạng Việt-nam, định sẽ giao trả về Hà-nội cho người Pháp.

Vì trong nước lúc ấy có hai việc bạo-động như kiểu những đảng-viên cách-mệnh Ái-nhĩ-lan (Irlande) dùng thủ-đoạn khủng-bố đối với người Anh. Tháng ba năm quí-sửu đó, Phạm văn Tráng từ hải-ngoại đem tạc-đạn về, ném chết tuần-phủ Nguyễn duy Hàn (Thái-bình) có tiếng là hung tình của đảng cách mệnh. Nửa tháng sau, Nguyễn khắc Cần mang bom ở ngoài về Hà-nội, hạ sát được hai võ-quan tây là Chapuis và Montgrand ở trước tửu-điếm phố hàng Trống. Người Pháp buộc tội họ Phan chủ mưu, lập hội-đồng Đề-hình kết án tiên-sinh vào tử-hình vắng mặt, nhờ đô-đốc Long tế Quang bắt hộ và giao lại cho mình để thi-hành cái án đã xử.

Vào ngục mấy hôm đầu, Phan tự nghĩ phen này mình không thoát chết, bèn cầm bút viết ra « Ngục-trung thư » lược-thuật công-việc cách-mệnh mình từ hồi còn nghĩa-binh Phan Đình Phùng cho tới bây giờ trong có một đoạn nói về ông Lập Nham như sau đây :

« Tháng 10 năm ấy (ất-tỵ, 1905) tội đến Hoành-tân về ở nhà trọ cũ, thấy một vị thanh-niên học-sinh ta, Lương-quân Lập Nham, đã tới ở đó trước rồi.

Tôi xem ra người thật có khí-phách hăng-hái, đầu tóc còn để bờm-sờm. Dò hỏi mới biết Lương-quân bỏ nhà đi trốn sang Nhật trơ-trọi một thân, lúc lên đến bến thì hành-nang vừa cạn, trong túi chỉ còn vẻn-vẹn có ba xu, không hơn không kém.

Thấy thế tôi vừa mừng vừa chưng-hửng. Vì bạn nhỏ tuổi nước ta, một thân một bóng mà dám liều mệnh xông-pha sóng gió muôn trùng đến một nước thuở nay mình chưa quen-biết bao giờ, Lương-quân chính là người thứ nhất vậy.

Té ra Lương-quân vốn là một thanh-niên chứa sẵn kỳ-khí, có hoài-bão cao-xa, chỉ nghe nói tôi đã sang Đông, cho nên mạnh-bạo bỏ nhà ra đi, không kể gì mọi nỗi gian-nan nguy-hiểm.

Bạn thiếu-niên anh-tuấn nước ta sau đây, có mấy người được như Lương-quân ? »

Ông Lập Nham tên thật là Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lập Nham, sinh năm ất-dậu — giữa năm thành Huế thất thủ — con thứ hai cụ cử Ôn Như Lương văn Can. Kể theo thứ-tự cả con trai con gái thì ông sinh vào hàng thứ ba. Vì đó trong cách-mệnh giới và anh em Đông-du quen gọi ông là Ba Quyến.

Tổ-quán là làng Nhị-khê thuộc huyện Thượng-phúc tỉnh Hà-nội (nay về Hà-đông), nhưng ông sinh-trưởng ở nhà số 4, phố. hàng Đào, tỉnh-thành Hà-nội, là nơi họ Lương kinh-doanh buôn-bán trải đã mấy đời.

Trước cửa nhà số 4 ấy, từ 1.903, hai ông Sào Nam, Tây Hồ hay đi lại bàn-tính quốc-sự, rồi ông Lập Nham Đông-du, kế đến phong-trào Đông-kinh nghĩa-thục cho mãi tới khi cụ Cử Lương đi an trí ở Cao-miên trở về được mấy năm thì qua đời (1.927) ; nghĩa là ngót ba chục năm, trước cửa nhà số 4, thực-dân cho người thay phiên canh-gác đêm ngày, không lúc nào quên-nhãng. Vì họ biết đấy là bộ

tham-mưu của phái văn-thân, là cơ-quan giao-thông của các chí-sĩ Đông-du ; phàm người lui tới chỉ để bàn việc đánh đổ chủ-quyền Pháp, khôi-phục nền độc-lập Việt-nam.

Thuở nhỏ, ông Lập Nham cũng học cử-nghiệp, sớm tối mài-miệt với chồng sách cũ, lo dũa vần gọt chữ để mong có ngày tranh khôi đoạt giáp như các bạn đồng thời. Lúc 15, 16 tuổi, ông đã nổi tiếng học giỏi. Đến khoa canh-tý (1900), ông thi trường Nam, hỏng kỳ thi phú ; liền đấy tư-tưởng biến-hóa, không thèm theo-đuổi lối học từ-chương khoa-cử nữa.

Lúc bấy giờ, những sách cổ động dân-quyền do các nhà tân-học Trung-quốc dịch-thuật của Tây-phương, đã truyền-bá sang nước ta rất nhiều. Những nghị-luận cách-mệnh và tư-tưởng duy-tân của thầy trò Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu, cùng các nhà ái-quốc Trung-hoa mạnh-bạo chủ-trương đả đảo Mãn-thanh, chấn-hưng Hán-tộc không những làm rung-động tâm-não người Tàu mà thôi, làn sóng duy-tân cách-mệnh ấy tràn qua Nam-quan hoặc vào cửa Đồ-sơn, khiến nhân-tâm sĩ-khí ta cũng phải giật mình thức tỉnh. Nhật-bản thì càng ngày càng sấn bước trên đường văn-minh phú-cường, ra mặt đối-địch với các cường quốc làm cho thiên-hạ phải kinh-ngạc và kiêng-nể. Ngoài tình ở phương Đông phấn-phát bồng-bột là thế. Đồng thời, trong nước thì ông Phan Sào Nam đứng lên lãnh-đạo công-tác cách-mệnh, liên-lạc chí-sĩ văn thân khắp nơi, lập hội «Việt-nam Quang-Phục», sắp-sửa xuất dương hoạt động.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Ông Lập Nham đọc nhiều tân-thư, được nhiều tư-tưởng mới kích-thích giác-ngộ, nhận-xét tình-hình thế-giới và thời-cục nước nhà, thấy rằng thanh-niên Việt-nam lúc này phải tự cường, phải cứu-quốc, không nên và cũng không thể ngồi gục đầu vào lối học hư văn hủ-bại được nữa, vì chính nó đã làm cho người mình hèn, nước mình mất. Hơn nữa thanh-niên Việt-nam phải mau học-tập binh-cơ võ-bị tân-thời, mới có thể đánh lại kẻ thù mà lấy lại quyền tự-do độc-lập cho giống-nòi tổ-quốc.

Bởi vậy, chỉ thi có một khoa, ông khái-nhiên bỏ đứt từ-chương khoa-cử, không thèm đoái-hoài thương-tiếc chút nào ; lại khuyến-khích được nhiều bạn đồng-học cũng mạnh-bạo làm như mình. Từ đó ngày đêm làm bạn với sách mới, trong trí không lúc nào rời ý-nghĩ phấn chí tự-cường, đi học cứu-quốc. Kịp khi nghe Sào Nam tiên-sinh đã xuất-dương, ông liền hăng-hái ra đi trước tiên, để làm gương cho anh em đồng-chí.

Ông cử Dương Bá Trạc là một bạn thân, từ lúc còn đi học cho tới sau cùng nhau hoạt-động cách-mệnh, đôi bên vẫn trao đổi thanh khí tin-tức, không bao giờ gián-đoạn. Cho nên việc ông Lập Nham Đông-du ban đầu thế nào, họ Dương biết rõ hơn cả.

Mấy năm trước đây, Dương tiên-sinh có viết một tập ký-ức lục, kể chuyện sinh-bình trong cuộc vận-động cách-mệnh mình đã cộng-sự với những ai. Dưới đây là đoạn tác-giả kể lại thiếu thời của

người chủ mưu khởi-nghĩa Thái-nguyên và tình-hình lúc bỏ nước trốn sang Nhật cầu học.

. * .

« Bạn Lương Lập Nham là con thứ hai của cụ cử Nhị-khê, thông-minh từ thuở nhỏ. Hồi 15, 16 tuổi đã có tiếng học giỏi ; san thi trường hương Nam-định khoa canh-tý, bạn vì xuất vận bài phú mà bị hỏng, nếu không thì cũng đỗ khoa thi ấy cùng với tôi.

« Đến năm quý-mão (1903), chúng tôi đã lấy tân tư-tưởng, tân học-thuật khuyến-khích lẫn nhau, nên chi bạn nhất quyết bài-xích khoa-cử là hủ-bại, không thèm thi nữa.

« Năm sau, có việc Phan Sào Nam Đông-du, bạn cùng cụ cử và anh ruột là Trúc Đàm, đều phụ lực với chúng tôi vận-động thành-tựu việc ấy. Sau ông Sào Nam ở Nhật về nước, cùng anh em quyết-định việc đưa ông Kỳ-ngoại-hầu Cường Đề đi, và phái thanh-niên học-sinh sang Nhật cầu học. Lúc ấy bạn 19 tuổi đã có vợ con, lại là con nhà giàu, vốn sống trong cảnh phong-lưu sung-sướng ; không ai tưởng rằng bạn có thể đoạn - tuyệt nhất thiết mà đi xuất-dương khổ học cho được ? Thế mà bạn nghị nhiên thủ-xướng, mạnh-bạo ra đi trước nhất một mình để làm gương cho người sau.

Bình-nhật bạn thường nói luôn với anh em :

— Kìa Đại Bỉ Đắc là vua nước Nga còn vứt bỏ phú quí tôn vinh mà đi làm thợ ở nước ngoài để học lấy kỹ-thuật cường quốc, huống chi là mình ! Lại coi Nhật-bản duy-tân tự cường được như bây giờ, cũng là nhờ có mấy tay như Y Đằng Bác Văn,

như Bản Viên Thoái Trợ v. v... lần-lút trốn ra ngoài, học lấy thành tài, trở về giúp nước, Nhật-bản mới được như thế. Tôi xin làm tên tốt đầu của đội quân xuất dương khổ học, đi trước anh em !

Thế là bạn quả quyết bái biệt cha mẹ, làm giấy rẫy vợ cho cải gia, lìa bỏ đứa con gái còn non tuổi mà đi.

Lúc bạn ra đi, chúng tôi đã xếp-đặt có người tâm-phúc làm việc ở một chiếc tàu tự Hải phòng đi Hương-cảng, tức là người đã đưa Sào Nam và Kỳ-ngoại Hầu đi được hai chuyến an toàn trót lọt. Nhưng bạn lo việc lâu dài, bàn tính với tôi :

— Việc đi học còn cần phải nhiều người kế tiếp xuất dương, nay mình mới có một chiếc tàu mượn làm đi được thế này, vạn nhất tiết-lậu, nghẽn mất đường ấy thì sao ? Mình phải lo mở ra nhiều con đường khác cho người đi sau mới được chứ !

« Nghe bạn nói phải, tôi sực nhớ đến ông Tăng bạt Hổ đi Nhật chuyến trước, theo con đường Móng-cáy sang đất Trung-hoa rồi đáp tàu đi được vô sự. Tôi liền tính kế đưa bạn Lập Nham đi theo đường ấy. Nhân dịp tìm nơi trú-ẩn ở Móng-cáy, ở Đông-hưng và ở Bắc-hải, cho có người dung-nạp hướng dẫn mình chắc chắn, hầu sau này có cần được nhiều người đi một chuyến thì đường này tiện hơn. Đường tàu thủy Hải-phòng Hướng-cảng tuy có tay trong tâm-phúc và nếu còn đi được, mỗi chuyến chỉ ba, bốn người là cùng mà cũng chưa chắc là giữ trót lọt được mãi. Tính thế rồi tôi cùng đi với bạn.

« Chúng tôi đã định kỳ với nhau trước : ngày 14 tháng 8 năm ất-tỵ (1905) bạn thu-xếp hành-lý từ Hà-nội đi về Mễ là quê-quán tôi, để cùng lên Gia-lâm đáp xe lửa đêm đi Hải-phòng. Bạn đi bộ suốt từ Ha-nội về quê nhà tôi, khởi hành 4 giờ đêm đến 9 giờ sáng tới nơi. Chúng tôi ăn cơm sáng xong, chuyện-vãn một hồi, lại dắt nhau kéo bộ từ Mễ lên Gia-lâm vừa đúng 9 giờ tối để kịp đi chuyến xe lửa đi Hải-phòng 11 giờ đêm.

« Thời-đại ấy anh em chúng tôi bảo nhau luyện-tập sự sống rất là khắc-khổ. Phàm là anh em trong đảng, đều cấm tuyệt uống rượu, hút thuốc phiện, đi hát, cờ bạc. Ngày nào cũng phải tập thể-thao lấy sức, tập đi bộ cho quen. Chúng tôi luyện-tập lâu ngày thành quen, cho nên đi bộ xa đến thế nào cũng không hề thấy mỏi-mệt.

Về chuyện cấm-chỉ này có mấy câu chuyện buồn cười, mà tỏ ra quy-luật của đảng cực nghiêm và cái nhiệt-thành ái quốc của anh em lúc bấy giờ kể thật mạnh-mẽ. Bạn Lê Đại và bạn Võ Hoành là hai tướng rượu có tiếng xưa nay ; một hôm rủ nhau đi ăn đám giỗ ở nhà bà con, mâm cỗ linh-đình, bao nhiêu khách dự tiệc tha hồ chén tạc chén thù đến say túy-lúy. Hai tướng rượu ta trong thấy nhắm ngon rượu sẵn đến nỗi người ta say khướt cả, mình thèm uống thật nhỏ rãi, mà cố giữ, đảng cấm, nhất định không nhấp một giọt nào. Những người ngồi gần biết ý, trông thấy hai bạn thủ giới mà động lòng thương-hại.

« Lại bạn Hoàng tăng Bí và bạn Lương trúc Đàm, vốn người sinh-trưởng phú-quý, thuở nhỏ đến giờ không biết đi bộ là cái gì, nay phải tập đi

bộ, mấy lần đầu, sưng chưn, toét cả mấy ngón ; thế mà nay tập, mai tập mãi, sau cũng đi bộ được một hơi từ Hà-nội về tới Canh, tới Diễn.

« Bạn Phạm danh Chánh, cháu cụ Hoàng-giáp Tam Đăng, thuở nhỏ vốn giang-hồ phóng lãng, kết giao với bọn lục-lâm nhiều thành ra mắc bệnh nghiện a-phiến. Khi ấy bạn chịu để anh em trong đảng giam mình ở một gác xép hiệu Đồng Lợi Tế, khóa trái cửa lại, chỉ để cái bô đại, tiểu tiện trong đó và mỗi bữa ăn thì có người đưa cơm nước vào cho. Tha hồ vật-vã đủ tình đủ tội, tha hồ kêu gào đập phá, nhất định không ai đoái-hoài hay thương-xót mở cửa cho ra. Vậy mà qua hết 9 ngày, bạn Phạm danh Chánh chừa được a-phiến như thường, khỏe mạnh chẳng sao cả.

« Chính bạn Lập Nham lúc trước cũng là tay chơi khét tiếng ở các xóm hồng-lâu Hàng Giấy, Thái-hà, thế rồi phấn phát tự cường tuân theo đảng cấm, nhất đán thôi hẳn. Từ đấy, bạn coi các nàng tiên dửng-dưng như một người ái nam vô tình, rồi đến nhẫn lao nại khổ mà đi chuyến này.

« Mà chuyến đi này kể cũng là nhẫn lao nại khổ thật.

« Khuya tới Hải-phòng, vì có ý muốn hà-tiện để dành tiền ra ngoài tiêu, chúng tôi không vào trọ ở lữ-quán. Nhân tôi quen biết người làm tri-huyện Hải-an ở gần kề Hải-phòng, chúng tôi bèn giả vờ làm thầy trò ; tôi làm thầy, bạn Lập Nham xách va-ly làm trò, vào huyện ngủ nhờ. Cơm nước cả ngày hôm sau ở đó để đợi kỳ tàu, vì tàu Móng-cáy lúc bấy giờ mỗi tuần chỉ có hai chuyến. Tôi nói ra ngoài mỏ và đi vịnh Hạ-long chơi lại nã anh cu huyện ta được thêm chục bạc phụ vào hành-lầu cho bạn Lập Nham.

« Trưa hôm 16, chúng tôi xuống tàu ra Móng-cáy.

« Nguyên khi ở Hà-nội, tôi có quen Đào quang Tích, học trường Hậu-bổ vốn là con ông Lãnh-binh đã làm quản đạo Móng-cáy về hưu. Bấy giờ tôi hỏi thăm vô nhà ông Lãnh Đào. Vô đó, tôi lân la kể chuyện kết giao với Hậu Tích ở Hà-nội, vẫn được nghe tiếng ông Lãnh là con-cái gia thế, cùng những công-việc ông làm ngày trước do bạn Hậu Tích thuật cho nghe. Tôi nói rành-mạch đâu ra đấy không sai tý nào, nên ông cụ tin yêu hết sức.

« Ở được ít lâu, tôi cùng ông chuyện-vãn, dần dà biết ông cũng là người có bụng tốt với nước nhà, chúng tôi bèn thổ-lộ tâm-sự. Ông rất đồng ý, hứa sẽ giúp vào công-việc. Ông nói :

« Tôi ở đây cũng có chút ít thế-lực ; người Pháp cũng tin-cậy mà người Tàu bên Đông-hưng thì phần nhiều đi lại quen-thuộc với tôi. Vậy các ông có thể đưa anh em đi qua lối này, tôi xin bao bọc cho được, rồi giới-thiệu với người ở bên Đông-hưng họ đưa đường dẫn lối, dò hỏi tin-tức tàu-thuyền cho mình đi an toàn, không xảy ra có điều gì quản ngại.

« Hôm sau ông dẫn chúng tôi sang chơi người đoàn-trưởng bên Đông-hưng, tỏ hết câu chuyện với người ấy, nhờ hắn hỏi hộ kỳ tàu ở Bắc-hải đi Hương-cảng cho đúng, rồi thuê giùm một người tin-cẩn dẫn lộ đi Bắc-hải để kịp xuống tàu. Người đoàn-trưởng vốn là thủ-hạ ông, nên ông có thể nói thẳng ngay vào chuyện, không e-ngại gì. Anh ta cung kính vâng lời, lại nói với ông để chúng tôi ở

chơi luôn trong nhà cho khỏi bị người Pháp ngờ-vực dòm-ngó. Ông khen phải, rồi bảo tôi : « Các ông nên ở luôn đây mà đợi tàu, đừng về bên kia nữa. Tôi sẽ cho thằng Ba (tức là con ông, em Hậu Tích), đưa hành-lý sang cho, rồi nó ở chơi bên này để thay tôi mà tiễn chưn các ông đi Bắc-hải.

Cách sáu hôm sau thì có tàu ghé Bắc-hải đi Hương-cảng.

« Trước một ngày, người đoàn-trưởng phái một tên thủ-hạ đưa chúng tôi đi Bắc-hải. Đường phải qua một quãng rất khó-khăn, nhỏ hẹp, vừa hai người chen chưn mà ghồ-ghề, khúc-khuỷu, đi cực vất-vả. Tối mịt đến Bắc-hải. Đã có thư người đoàn-trưởng giới-thiệu chúng tôi với chủ hiệu Long-Hải ở Bắc-hải rất ân cần. Ông này tiếp thư niềm-nở mời chúng tôi lên lầu tắm-rửa xong, đãi ăn-uống hết sức tử-tế.

« Trong khi đàm-đạo, chúng tôi ngỏ ý nhờ ông cho trú-ngụ mỗi khi có người đi ra ngoài, đến đây chờ tàu. Ông vui-vẻ nhận lời ngay.

« Cùng đi với chúng tôi đến đây, có cả cậu Ba, con ông lãnh Đào. Cậu cũng khảng-khái, hứa với tôi hễ sau này có người đi, tôi không cần phải ra, đã có cậu trông-nom mọi việc chu tất. Thế là chúng tôi thành công được một việc, là mở một con đường xuất dương chắc-chắn yên-ổn ; đâu đấy đều có người sở-tại sẵn lòng giúp-đỡ mình.

« Tối hôm sau là giờ bạn Lập Nham xuống tàu đi Hương-cảng.

« Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi bàn-nói dặn-dò nhau hết chuyện này qua chuyện khác. Những

chuyện về sau chúng tôi mở nghĩa-thục, lập hội buôn, cho đến chuyện tìm nơi căn-cứ chiêu-mộ quân-sĩ, tập-rèn võ-nghệ, và những kế-hoạch dự định rằng bạn Lập Nham vào trường quân-bị ở Nhât học tốt-nghiệp rồi về thực-nghiệm chiến-thuật trên trận-địa Tàu ; nhất nhất chúng tôi có dự bàn với nhau trong lúc sắp-sửa chia tay đó.

« Sau ít lâu, tôi tiếp được thư bạn cho biết ra tới Hương-cảng ngày mồng 2 tháng 9 ; đến mồng 5 đáp tàu sang Hoành-tân, ngày 14 tới nơi, ở lại mấy tuần mới đi Đông-kinh, đã gặp Kỳ-ngoại Hầu và Sào Nam dẫn đến yết-kiến các ông Đại-Ôi bá-tước, Khuyển dưỡng Nghị và Bá nguyên Phương v.v.»

Ông Lập Nham còn trọ ở Hoành-tân thì gặp Sào Nam tiên-sinh từ nước nhà trở sang chuyến thứ hai, như một đoạn trong « Ngục trung thư » tiên-sinh đã viết.

Chúng tôi muốn trích-lục cả đoạn văn dài trong tập ký-ức của ông cử Dương bá Trạc không những để tỏ ra cái chí khổ học cứu quốc của người anh- hùng trong truyện này, một chốc bỏ hẳn cuộc đời sung-sướng đoàn viên đứng ra phất cờ tiên-phong cho anh em đồng thời ; nhân dịp ta lại được biết cả tinh-thần thao-luyện khắc-khổ của phái nhà nho 40 năm về trước, chỉ vì hoài-bão giải thoát nòi-giống, khôi-phục non sông.

Hơn nữa, ta biết người đời bấy giờ dụng công mở ra con đường Móng-cáy — Đông-hưng cho các bạn đi sau được rộng thêm một lối xuất dương

hoạt-động cách-mệnh. Sự mở đường ấy hình như không có nghĩa gì với những người hai ba mươi năm về sau có thể bưng mắt bọn thám-tử mà vượt qua biên-giới như đi chợ, cho đến sang Nga, sang Mỹ cũng là chuyện tầm-thường. Nhưng ta đặt mình vào địa-vị nhà nho lúc mới bước sang thế-kỷ hiện-tại, ta mới nhận thấy là một vấn-đề không phải dễ-dàng như ai nấy tưởng-tượng.

II

THỰC-NGHIỆM BINH-HỌC TRÊN TRẬN-ĐỊA NƯỚC TÀU

Ban đầu, Sào Nam tiên-sinh xuất dương cốt có mục-đích cầu-viện khí-giới ở Trung-quốc hay ở Nhật-bản, làm như Thân bao Tư nước Sở ngày trước sang khóc ở Tần-đình xin viện binh về khôi phục tổ-quốc vậy.

Song việc giao-thiệp ở đâu cũng không được như nguyện. Tuy vậy, Phan ra ngoài xem-xét tình-thế thiên-hạ, trở lại nhận rõ dân-trí nước mình còn thấp-thỏi, mà nhân-tài mọi bề thiếu-thốn, không có ; chừng đó Phan tự ăn-năn việc mình lo toan từ trước là nông-nỗi chỉ bo bo về vấn-đề quân-giới, nào có phải đó là cái kế độc-nhất vô-nhị để mưu tính công-cuộc độc-lập cho nước nhà đâu.

Một hôm, Phan đến nhà chí-sĩ Trung-quốc là Lương khải Siêu lúc ấy cũng là nhà cách-mệnh đi trốn sự khủng-bố của quan-lại Mãn Thanh, sang ở Hoành-tân xuất-bản tờ Tân-dân tùng báo. Trong lúc bút đàm, Lương thành thực tỏ-bày ý-kiến :

— « Cái kế-hoạch độc-lập của quý quốc, nhất-thiết phải trông-cậy ở thực-lực mình trước hết.

« Thực-lực một nước, hệ-trọng hơn cả, không gì cho bằng nhân-tài. Vậy tôi tính kế cho quý quốc bây giờ, cần nhất là phải gắng công ra sức vun-trồng nhân-tài. Hễ nhân-tài có đủ, thì chỉ đợi thời cơ đưa đến là ta làm được đại sự. »

Phan đang băn-khoăn lo nghĩ về vấn-đề nhân-tài, nay được nghe ý-kiến họ Lương, càng thấy dưỡng dục nhân-tài là việc khẩn-thiết, bèn gác chuyện mưu-tính quân-giới mà kinh-doanh việc cổ động thanh-niên xuất dương cầu học đã.

Bởi đó, khi trở sang Hoành-tân trông-thấy ông Lập Nham đã tự động bỏ nước, bỏ nhà đi sang cầu học tiên-phong, họ Phan vui mừng vô hạn.

Chính ông Lập Nham khi đã lên Đông-kinh, một mặt lo học Nhật-ngữ để sửa-soạn vào trường, một mặt gửi thư về nước thúc-giục đồng chí mau mau lựa-chọn thanh-niên phái sang cho đông.

Tiếp được thư ông thôi-thúc, đồng-chí trong nước lật đật phái người ra. Em ruột ông là Nghị Khanh đã thi đỗ tú-tài, lập tức lên đường. Đồng thời, những học-trò cụ cử Nhị-khê như ông Nguyễn thái Bạt, Nguyễn Điền, Võ mẫn Kiến, Nguyễn cầm Giàng (Hải-Thần), Nguyễn xuân Mai, Bùi như Uyên ; trong Nghệ-Tĩnh thì bọn Đặng thúc Hứa, Phan đình Cử (con cụ Phan đình Phùng) ngay cuối năm ất-tỵ qua đầu năm bính-ngọ (1906) lục tục Đông-du rất nhiều. Nam Việt cũng phái đi hàng mấy

chục người : ông Trần chánh Chiếu tục danh Gilbert Chiếu đứng đầu hội Minh-Tân kháng Pháp ở Nam Việt, cũng phái hai người con đi vào lúc ấy.

Trong lúc chờ đợi thanh-niên trong nước lục tục đến nơi, đầu năm 1906, Sào Nam tiên-sinh bắt đầu thu-xếp cho mấy anh em đã sang trước. Ba ông Lập Nham, Trần hữu Công, Nguyễn Điền vào học Chấn-Võ học-hiệu tại Đông-kinh do Phước Đảo trung-tướng làm giám-đốc để nghiên-cứu binh-học ; ông Nghi Khanh thì học ở Đồng-Văn thư-viện, nghiên-cứu về chính-trị, kinh-tế. Đông-du học-sinh trước nhất là bốn người ấy.

Những người sang sau vào học trường Chấn-Võ cũng nhiều. Thanh-niên Việt-nam sát cánh với học-sinh Trung-quốc.

Ông Cường Để sang được mấy tháng cũng học Chấn-Võ học-hiệu vì thủ thời ông mới ngoài 20 tuổi, cũng là một thanh-niên cường tráng. Nhưng ông thú thật là mình ham đọc sách hơn là học võ ; đến nỗi lơ-đễnh bài học nhà trường, điểm số tuần nào cũng kém ; lại không kham nổi những sự luyện-tập nặng-nề vất vả, cho nên chỉ theo đuổi được có năm tháng rồi phát ốm vào nằm nhà thương và bỏ Chấn-Võ học-hiệu đi học trường khác.

Trong vòng 2 năm, 1906-1907, hàng trăm học-sinh ta lưu học các trường bên Nhật được các đồng-chí và các nhà hằng tâm hằng sản trong nước chung góp nhau, tiếp tế cho anh em rất đầy-đủ, mặc dù tình-thế càng ngày càng khó-khăn. Sự thật, thực-dân tìm đủ mọi cách thọc gậy vào bánh xe giao-thông tin-tức và giúp-đỡ tiền-bạc giữa người trong nước và phái Đông-du.

Ví-dụ Đông-kinh nghĩa-thục như chúng tôi đã nói vừa là trường học, vừa là cơ-quan làm tiền gửi ra cho phái Đông-du hàng nghìn, hàng vạn luôn luôn. Chưa kể vô số tư-gia khắp Trung, Bắc sẵn lòng quyên trợ, nhất là các nhà triệu-phú trong Nam Việt. Nhờ thế mà Sào Nam tiên-sinh đóng vai bộ trưởng tài-chính của phái Đông-du hồi bấy giờ, không những lo liệu chu-toàn cho anh em học-sinh, lại có thể thời thường mua bom, mua súng gửi về giúp Đề Thám cùng những chiến-sĩ ở nhà vẫn kế tiếp bạo động.

Đùng. đến tháng hai năm mậu-thân (đầu năm 1908) bà-con ta tan-tác mỗi người một nơi như ông vỡ tổ.

Vang bóng của phái Đông-du lúc bấy giờ về trong nước rất lớn. Nội cái danh-vọng Sào Nam tiên-sinh với những bài văn cổ-động cách-mệnh của tiên-sinh cũng đủ làm cho lòng người phừng phừng nổi lên như thiêu như đốt.

Thật thế, văn-chương tuyên truyền của tiên-sinh viết từ Đông-kinh gửi về nước như « Hải ngoại huyết thư », như « Việt-nam vong quốc sử » như « Khuyến thanh-niên du học » và nhiều khúc hát ái quốc, văn thơ bi tráng, nhất thời kích-thích nhân-tâm rộn rực lạ thường. Mặc kệ thực-dân cấm và bọn quan-lại tâu cầu ra sức dòm-hành, đe-nẹt, người ta vẫn sao chép bằng giấy mực hay trong trí nhớ, ngâm nga truyền-tụng khắp kẻ chợ nhà quê, xui-giục ai nấy tự-động lòng yêu nước, ghét thù, không thể nào át được.

Rồi thì bao nhiêu thanh-niên tuấn-tú, có thể bỏ

nhà bỏ nước ra đi, là họ đi ngay ; sang Tàu, sang Nhật, sang Xiêm, để cầu lấy sự học tự do, để gặp các bạn đồng tâm đã đi từ trước, cùng nhau mưu toan, cùng nhau hoạt-động công-việc khôi-phục tổ quốc.

Còn những người hữu tâm ở trong nước, gồm đủ tầng lớp xã-hội, luôn luôn âm mưu phấn-đấu, chống lại đô-hộ, hết phong-trào nọ đến sự biến kia.

Người Pháp nhận thấy Đông-kinh nghĩa-thục làm rộn miền Bắc từ vụ đầu độc trại lính tây ở Hà-nội có liên lạc với Đề Thám hiện đang xưng hùng ở Yên-thế, cho tới phong-trào biểu tình kháng thuế ở Quảng-nam và nhiều tỉnh Trung Việt, nhất nhất có ảnh-hưởng của phái Đông-du bên trong, cho nên quyết tìm cách trừ-diệt cho bằng được.

Đầu năm mậu-thân, họ ký hiệp-ước kinh-tế với Nhật, để cho hàng-hóa Nhật sang bán ở nước Pháp cùng các thuộc-địa Pháp đều được hưởng quan-thuế tối huê, nghĩa là đánh thuế nhập cảng nhẹ hơn lệ thường. Có điều, ăn đào phải trả lại mận ; Pháp yêu-cầu Nhật giải tán học-sinh đoàn và đuổi hết đảng viên cách-mệnh Việt-nam hiện đang trú-ngụ hoạt-động bên Nhật.

Lạ gì trò đời, miễn có lợi cho mình là hơn, tình nghĩa bà con thân tộc còn có thể đạp xuống bàn chưn, huống chi nước này đối với nước khác.

Lúc ấy Nhật đương mở-mang công-nghệ chế-tạo, cần có nhiều chỗ tiêu-thụ để mưu lợi cho dân nước mình là điều thiết-yếu, có đếm-xỉa gì đến số người Việt-nam quèn kia nương-náu trong đất nước họ. Bởi thế, sau khi ký hiệp-ước kinh-tế với

Pháp rồi, chính-phủ Nhật liên hạ lệnh trục xuất tất cả đảng-viên cách-mệnh và học-sinh Việt-nam, hẹn trong 48 giờ đồng hồ phải ra khỏi đất Nhật.

Cố-nhiên hai ông chóp bu là Sào Nam và Cường Để phải xéo trước hơn mọi người. Hai ông lập tức xuống tàu trở về Trung-quốc.

Rồi đến học-sinh, nhiều người phẫn-uất thái-độ giở mặt của Nhật cũng bỏ sang Tàu, sang Xiêm, hoặc trở về nước. Còn những người vẫn muốn ở lại học thì cũng phải làm bộ thu-xếp hành-lý ra trường, để che mắt thế-gian, rồi, trong vài ba hôm quay trở lại với căn-cước khác.

Ấy là đổi làm người Tàu. Mấy chính-khách Nhật giao-thiệp với sứ-quán Trung-hoa hộ ta, thay-đổi giấy tờ chứng nhận quốc-tịch Trung-hoa. Xong rồi, anh em trở về trường học như thường.

Giờ là học-sinh Tàu chứ không phải học-sinh Việt-nam nữa.

Ông Lập Nham với Nghị Khanh, em ruột ông, cùng mấy người học-trò cụ cử Nhị-khê, đều ở trong đám lộn sòng quốc-tịch Trung-hoa cho được lưu học tới khi tốt-nghiệp.

Vì công-phu học-tập đang tấn tới, phải bỏ dở-dang thì tiếc.

Đến năm 1911, ông Lập Nham thi tốt-nghiệp đỗ đầu, được ban giám-khảo khen-ngợi. Đường kế Nghiêu sau này là đô-đốc Vân-nam, oai-quyền lừng-lẫy, là bạn đồng học và cùng thi ra với ông cùng một khoa ấy. Chỉ khác nhau ở quê-hương và thời

thế, mà về sau một người có đất dụng võ, một người không.

Liền đấy, ông từ-giã đất Nhật mà đi Quảng-đông, nơi đã cho ông đội lốt quán tịch cho trọn học-nghiệp.

Sự thật, ông cốt về Tàu để mượn chỗ thực-nghiệm binh-học tân-thời đã được hấp-thụ ở một trường quân-bị Nhật. Vừa gặp thời cơ thuận-tiện là cuộc Đại-cách-mệnh ở nước Tàu thành công, nền dân-chủ cộng-hòa mới xây-dựng, chính là lúc cần dùng nhân-tài, nhất là những người có học về quân-sự.

Ông vốn đã nhận quốc-tịch Tàu, lại quen biết nhiều đảng-viên cách-mệnh Tàu khi họ còn bôn đào bên Nhật ; nay họ đã về nước nhận-lãnh trách-nhiệm dựng lại quốc-gia, tự-nhiên lưỡi gươm anh-hùng chẳng lo không có một hòn đá mài thử.

Với thư giới-thiệu trân trọng của một yếu-nhân cách-mệnh, ông đến yết-kiến Hồ hán Dân, lúc ấy giữ chức trọng-yếu Quảng-đông đô-đốc.

Hồ niềm-nở tiếp đãi, hỏi-han sở học, rồi tức khắc bổ ngay ông làm chức đại-úy, chỉ-huy một cánh quân hơn một nghìn người chuyên việc diệt trừ thổ-phỉ đã thừa lúc quốc-gia hữu sự nổi lên hoành-hành khắp vùng Nam-dường, Tam-thủy.

Ngót một năm xông-pha hiểm-trở, vào tận sào huyệt thổ-phỉ, trải lắm trận kịch-chiến đến tính-mệnh cơ nguy, lập nên nhiều chiến công, bắt sống quân giặc vô số, được viên tổng-tư-lệnh đạo binh tiễu phỉ khen-ngợi và tư về phủ Đại-đô-đốc, xin ký công thăng chức cho ông. Nhưng điều nguyện

vọng tha thiết trong tri ông chẳng phải ở chỗ được kỷ công thăng chức, chỉ cần được cầm binh xuất trận như thế cho được thực-nghiệm và nghiên-cứu về địa-hình, về trận thế, về kỹ-thuật tác chiến, để một mai trở về dung-dủi với quân cường-địch trên đất nước nhà kia. Sở vọng của ông chăm chăm ở đấy. Một người Việt-nam đã chịu giáo-hóa Võ-sĩ-đạo và tốt-nghiệp đầu bảng một trường quân-bị ở Đông-kinh, cốt mong có ngày được chạm sắt với quân thù, hiệu-lực vì tổ quốc.

Không bao lâu, Hồ hán Dân từ chức Quảng-đông Đại-đô-đốc ; thời-cục lại xoay-đổi.

Ông Lập Nham cũng từ-giã Quảng-đông lên Bảo-định, vào học trường Quân-quân được mấy tháng, nhận thấy chương-trình đã học bên Nhật cả rồi, liền bỏ trường Bảo-định mà đi Võ-xương.

Lúc bấy giờ Lê nguyên Hồng đang tổ-chức lại quân đội cách-mệnh, cần thu-dụng nhiều nhân-tài từng được huấn-luyện binh-học ở ngoại-quốc về ; vì hạng người ấy còn là số hiếm ở Trung-quốc đương thời, dù có bao nhiêu cũng vẫn chưa đủ cho sự cần-dùng của chính-phủ cách-mệnh.

Vẫn nhận mình là người dân Trung-hoa, thêm vào huân-công đã thu được ở Nam-đường, Tam-thủy, ông Lập Nham được Lê nguyên Hồng bổ chức Thiếu-tá, coi một Lữ-đoàn lục-quân.

Thế là ông lại được dịp thực-nghiệm sở học trong một thời-gian nữa.

Kể ra hồi ấy có nhiều đồng-bào Việt-nam xung vào hàng-ngũ chiến-sĩ cách-mệnh Tàu, không phải chỉ có một mình ông, nhưng tất cả đều thành thật nhìn-nhận ông là tay lỗi lạc hơn cả.

III

CUỘC MẬT-HỘI Ở LONG-XUYÊN

Ông và những bạn Việt-nam đồng thời, từng có giáo-dục quân-sự như ông, sở dĩ hăm-hở đem cánh tay khối óc và sự học-vấn binh-nhung của mình ra tận trung hiệu lực ở chốn cương trường Trung-hoa, không phải vì sự sống bắt-buộc, hay cầu lấy danh-vọng gì đâu. Kỳ thật chỉ vì ôm-ấp hai điều mong mỏi.

Một là được thực-nghiệm sở học, như trên đã nói. Có học mà không được thực-hành, không được kinh-nghiệm, một khi cờ phất đến tay, chẳng khỏi bỡ-ngỡ. Bởi vậy, các ông muốn nhờ trận-địa Trung-hoa làm chỗ tập-rèn thực-tế cho thật tinh-thục, hầu có một mai về đất nước nhà, thao-luyện anh em xung sát với thực-dân là quân cường địch tử thù của mình, mới khỏi những điều thất thố. Chỗ dụng tâm của các ông thật xa mà cũng thật khổ vậy.

Hai là muốn đem máu mình đổi lấy cho Tổ-quốc sự cứu giúp của Trung-hoa đối với bà con.

Điều mong-mỏi ấy tuy quá tin-cậy vào tình-cảm, nhưng mà thâm vọng của phần nhiều chí-sĩ Đông-du ba, bốn chục năm trước thật là như thế.

Nó phát ra tự cái kiến-giải này, duy-tâm mà cũng có duy-vật. Hai dân-tộc Hoa, Việt ở kề lưng sát nách nhau trên góc Đông Á này, trải bốn nghìn năm liên lạc khăng khít về chủng-tộc, về văn-hóa, về lịch-sử, về phong-tục lễ-nghĩa, đến nỗi Việt-nam như là một phần Trung-quốc chia ra, mà sự thực cũng quả như vậy. Một khi Trung-quốc cách-mạng thành công, chẳng lẽ không nghĩ đến người hàng xóm miền Nam ; hơn nữa, người bà con, em út, đang bị xiềng-xích nô-lệ mà không ra tay tháo gỡ cứu giúp cho nhau ?

Thử xem bể Đại-tây cách-trở mênh-mông, thế mà cuối thế-kỷ có người hiệp-sĩ Pháp là Lafayette đứng lên mộ hàng nghìn chiến-sĩ, sang tận Mỹ-châu giúp sức cho Hoa-thịnh-đốn đánh đuổi quân Anh.

Xây-dựng Mỹ-quốc độc-lập. Ấy là một giai-thoại anh-hùng, thế-giới đều biết. Báo-đáp cái nghĩa-cử ấy, trong trận Âu-chiến 1914 - 1918, trước khi Mỹ-quốc gia nhập đồng-minh, đã có vô số người Mỹ tự nguyện đầu quân sang đánh giúp Pháp ; họ đến viếng mộ Lafayette đặt vòng hoa và nói câu vắn-tắt thâm tình này : « Chúng tôi đã đến đây, Lafayette ! » (Nous voici, Lafayette !)

Các chí-sĩ Đông-du nhà ta, nhất là những người đã tốt-nghiệp quân-sự như ông Lập Nham, người có tài cao thì cầm quân như ông, kẻ có sức khỏe thì đăng lính khá nhiều, hoặc biết chữ thì sung vào việc bí-thư trong quân-đội;ai nấy sốt-sắng đóng góp

chút ít hơi sức vào buổi đầu Trung-hoa cách-mệnh là trông cho đào trả mận sẽ thấy một ngày rất gần có những hiệp-sĩ Trung-hoa vác súng qua đây mà nói :

« Chúng tôi đã đến đây, hỡi bạn Việt-nam ! »

Huống chi, môi hở răng lạnh, Việt-nam bị Pháp chiếm-cứ tức là các tỉnh Vân, Quảng nước Tàu luôn luôn bị dòm-ngó, uy-hiếp. Trái lại, Việt-nam độc-lập tức là hàng rào miền nam Trung-quốc được kín-đáo, chắc chắn ; thế thì Trung-quốc giúp Việt-nam được giải-phóng cũng là một việc tự cứu vậy.

Ấy trong ba năm 1911, 1912, và 1913, ông Lập Nham phục dịch trong quân đội Trung-hoa, là cốt vì tiền-đồ tổ-quốc, chứ không phải vì mình. Những chiến-sĩ cách-mệnh như ông chẳng phải cầu lấy vinh-dự đóng quan ba, quan tư bên Tàu, hòng sau về nước huyễn-diệu khoe-khoang với bà con ; ví như lắm bạn thanh-niên sau này được học qua năm, bảy tháng hay một hay năm ở trường võ-bị Hoàng-phố, rồi khi về gặp ai cũng tự phô-trương : ta là cựu học-sinh Hoàng-phố đây !

Nhưng rồi ông chán-chường thất vọng, bởi thấy nội-tình Trung-hoa rối bét, mình chẳng trông mong gì được. Điều tin-cậy chất-chứa trong tâm-não ông và các bạn đồng-chí, lúc trước nồng-nàn bao nhiêu, bây giờ nguội-lạnh đi bấy nhiêu.

Nội-tình Trung-hoa lúc này thật nát-bét như tương. Quần hùng, cát cứ, nam bắc phân tranh, cảnh tao loạn không khác gì thời đại Xuân-Thu, Chiến-Quốc. Tiếng là chính thể Cộng-hòa, có tổng-

thống, có quốc-hội, nhưng tổng-thống, quốc-hội chỉ ngồi hư vị, ôm hư danh, hiệu-lệnh chẳng thi-hành với ai được. Trung-ương tập quyền biến ra địa-bàn chuyên chế. Mỗi vị đốc-quân có mấy chục vạn quân trong tay, chiếm giữ một vài tỉnh làm chủ : thu thuế, bổ quan, trị dân, xử kiện, tha hồ làm mưa làm gió, tác oai tác phước, không thuộc quyền Trung-ương, mà Trung-ương cũng chẳng làm gì được họ. Đã thế, họ lại còn sinh sự nội chiến, khói lửa tứ tung, làm cho đời sống của dân điêu-đứng khổ-sở vô cùng.

Thấy nội tình Trung-hoa như thế, ông Lập Nham sinh chán, vì mình phục dịch hy-sinh, là cốt mong họ trả lại nước ta bằng sự giúp-đỡ, nay bản-thân họ xem ra tự cứu không xong, còn cứu giúp được ai ?

Thôi chẳng trông-cậy được người, vận-mệnh mình, tự mình phải lo lấy, cứ việc kiệt tận nhân lực với tổ-quốc đồng-bào, dù chết cũng cam.

Ông bèn từ chức ở Hán-khẩu, trở về Quảng châu, tìm kiếm đồng-chí Việt-nam đã lập thành cơ-sở ở đó, chính do Sào Nam tiên-sinh phụ trách.

Không ngờ cơ-quan đã bị phá vỡ, do cuộc giao-thiệp khôn-khéo của toàn-quyền Sarraut với Long tế Quang, đô-đốc Quảng-đông lúc ấy. Nguyên-nhân tự hai vụ ném bom ở Thái-bình và Hà-nội mùa hạ năm 1913 mà thủ-phạm đều là người ở ngoài phái về. Long tế Quang vừa được hối lộ nhiều, vừa sợ Pháp uy hiếp, liền hạ lệnh giải tán cơ-quan cách-mệnh Việt-nam tại Quảng châu, và bắt giam những tay trọng-yếu. Vì thế, trước đó tám ngày, hai ông Sào Nam và Mai Lão Bạng bị tống giam vào ngục

tối ; nỗi lo họ Long giao trả về Đông-dương cho người Pháp kết án luận tội, lúc nào cũng ngơm-ngớp như có lưỡi gươm kề cổ. Còn các đồng-chí thì tan-tác mỗi người một nơi tìm phương đào thoát.

Phần lớn chạy về Quế-lâm, thủ-đô Quảng-tây giáp giới đất nhà.

Ông Lập Nham cũng đi Quế-lâm và Nam-ninh tìm gặp đồng-chí để mưu hành-động. Lúc này việc lớn có cơ làm được. Cuộc diện Âu-châu bắt đầu sôi nổi, Đức ngầm tổng động-viên, sắp-sửa đánh Pháp đến nơi.

Đồng-chí ta ở Quế-lâm đọc báo thấy tin Âu-châu như thế, nhận là cơ-hội khả thừa cho tổ-quốc. Các ông bàn-định nhau kinh-doanh một số tiền to, phần mua phần mượn khí-giới của các đảng cách-mệnh Tàu, mộ dân Tàu ở biên-giới, tổ-chức thành mấy đội quân phục-quốc, đã có ông Lập Nham và mấy đồng-chí nữa có học-thức, có kinh-nghiệm quân-sự, lĩnh việc huấn-luyện, chỉ-huy. Rồi ta khởi binh tự biên-giới đánh sang thượng-du Bắc-bộ, chiếm lấy mấy nơi làm căn-cứ, hô hào dân-chúng dấy lên, nội ứng ngoại hợp, cùng đánh kẻ thù, trong khi chúng phải bối rối về việc tổ-quốc bị công-kích nguy-ngập.

Công-cuộc đảng ta đang bố-trí tiến-hành, ai nấy điều đem hết tâm-lực, cầm chắc thế nào cũng sẽ thi-thố như nguyện ; ngờ đâu lại bị thủ-đoạn ngoại-giao của người Pháp làm cho việc ấy thành ra giấc mộng.

Người cầm quyền ở Quảng-tây hồi bấy giờ—

hình như đốc-quân Lục vinh Đình nếu không phải chúng tôi nhớ sai — đã hứa giúp-đỡ cách-mệnh Việt-nam, rồi trở mặt nhận hối-lộ của người Pháp mà thẳng tay bắt bớ chí-sĩ ta, phá-hoại mưu-đồ ta, có lẽ chỉ còn gang tấc cách xa thực-hiện.

Nhiều người may-mắn hay tin trước, vừa kịp thoát hiểm ; trong số ấy chính ông Lập Nham là một.

Vào khoảng giữa năm giáp-dần (1914) ông lẻn về nước, trong ý quyết định thủ-xướng một cuộc khởi nghĩa ngay ở đất nước nhà.

. ˙ .

Đổi tên khách, ông đáp tàu ở Hương-cảng thẳng về Sài-gòn, vào Chợ-lớn ở trà trộn giữa xã-hội Hoa-kiều dọ-thám tung-tích đồng-chí.

Hồi này có nhiều nhà cách-mệnh Bắc-hà bị người Pháp an trí ở Nam-bộ : ông Nguyễn Quyền tức Huấn Quyền nguyên giám-đốc trường Đông-kinh nghĩa-thục bị an trí ở Bến-tre, sau khi ở Côn-lôn được thả về ; ông cử Dương bá Trạc ở Long-xuyên, Võ Hoành ở Sa-đéc ; còn nhiều người khác tản-mát ở khắp Lục-châu : tiếng là mỗi người được ở một nơi tự do, nhưng con mắt cú-vọ của ty trinh-thám luôn luôn giám thị gay-gắt.

Chính cụ cử Nhị-khê đã bị đưa qua Nam-vang an trí hơn một năm vì những việc bạo-động xẩy ra ở Bắc-bộ năm 1913 ; cụ bị bắt rồi bị đày sang kinh-đô Cao-miên giữa lúc sắp sửa lên đường khứ-quốc Đông-du.

Tuy nhà đương-cục Pháp khéo dùng cách phân quản ly cư, bắt mỗi người ở một chỗ và xem xét

nhất cử, nhất động rất nghiêm, nhưng các nhà cách-mệnh ta có tai mắt xếp-đặt các nơi, vẫn có những phương-pháp mật-nhiệm khôn-ngoan để cùng nhau trao-đổi tin-tức thanh khí. Chẳng những trao-đổi giữa đám quản thúc hay các đồng-chí ở Nam-bộ mà thôi, lại thường giao-thông âm tín với các bạn ở hải-ngoại không lúc nào đến nỗi đoạn tuyệt.

Ví dụ, ông Ba Tiêu — cũng là người bị an trí— mở hiệu thợ giặt ở cầu Khánh-hội, gần bến tàu tức là bộ giao-thông cho các đồng-chí trong nước với hải-ngoại, do những đám người làm việc dưới tàu biển phụ-trách tin đi mối về. Ngay trong ty mật-thám Pháp ở Sài-gòn đảng ta cũng đặt người tâm-phúc xen-lộn vào làm việc, bề ngoài rõ là viên chức trung-thành, mà bề trong chính là tay phản-gián-điệp và là tai mắt của đảng ta đấy. Nhiều hiệu khách ở Chợ-lớn và Lục-tỉnh cũng sẵn lòng tiếp thu hay phát đệ thư-tín hải-ngoại hộ ta.

Nhờ có những cuộc xếp-đặt như thế các ông Kỳ-ngoại-Hầu, Võ mẫn Kiến, Phạm cao Đài v...v... từ bên Nhật, bên Tàu đi về Nam-bộ nhiều phen đều được an toàn vô sự. Những bạn đồng-chí ở Côn-lôn vượt ngục trốn về, miễn là bám chưn lên đất Nam-bộ, tức thì chắc chắn có chỗ nương thân, có người bao bọc. Hễ nắm được đầu mối là lần ra tất cả sợi dây liên lạc.

Cũng nhờ có những cuộc xếp-đặt bí-mật như thế, ông Lập Nham từ hải-ngoại trốn về ở Sài-gòn, Chợ-lớn có mấy hôm, liền tìm ra tung-tích ông Dương bá Trạc hiện bị an trí tại châu - thành Long-xuyên.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN.

Họ Dương, sau khi tiễn bạn Lập Nham ở Móng-cáy xuất dương, như ta đã biết, trở về Hà-nội tham gia một phần đắc lực vào phong trào Đông-kinh nghĩa-thục, hồi 1907, và các cuộc hoạt-động phản-đối ở Bắc mấy năm kế đó. Đến năm 1909 bị kết án và bị đày ra Côn-đảo ; chung vào một đoàn dài Văn-thân Trung, Bắc như các ông Huỳnh thúc Kháng, Ngô đức Kế, Nguyễn Quyền, Lê Đại v.v.... Hơn một năm sau, Dương và mấy bạn đồng án vì việc Đông-kinh nghĩa-thục, cùng được thích-phóng ở Côn-đảo, nhưng về an-trí ở Nam-bộ, cũng như giam lỏng mỗi người một nơi ; chứ không được về Bắc.

Đến năm giáp-dần (1914), có vụ đánh phá khám lớn Sài-gòn, Dương ở trong số tình nghi, bị bắt giam mấy tháng, sau được tha về an-trí ở Long-xuyên như cũ. Có điều lần này phải ở một căn nhà gần kề sở cảnh-sát cho họ tiện canh-gác đêm ngày và bị cấm tuyệt giao-du đi lại với bất cứ ai.

Ấy thế mà ông Lập Nham xuống Long-xuyên gặp mặt bạn cũ và cùng các đồng-chí cách-mệnh Nam-bộ luôn mấy đêm ngày thảo-luận kế-hoạch cứu quốc.

Ông đến ở nhà đồng-chí Nguyễn thượng Khách ở làng Mỹ-phước gần châu-thành Long-xuyên. Nhà ở tỉnh này, phía sau đều có ngòi lạch thông nhau, lính-kín chẳng khi nào đi tuần-phòng tới ; ngòi lạch ấy là đường giao-thông rất tiện cho nhà cách-mệnh.

Mỗi đêm, thượng Khách sai gia-đình chèo một chiếc xuồng con đi đón Dương đến nhà mình hội đàm với Lập Nham và nhiều đồng-chí khác.

Cuộc hội-đàm kéo dài luôn bốn năm ngày chỉ

bàn-soạn có một vấn-đề mà ai nấy cùng ôm-ấp trong lòng, là phương-châm khởi nghĩa đánh thực-dân.

Các ông bàn xét với nhau vấn-đề trọng-yếu ấy đủ các phương-diện.

Về cơ-hội, anh em đồng ý rằng lúc này chính là lúc ta nên thừa thế phấn khởi. Quân thù ta hiện đương vướng chưn vào họa chinh-chiến ở đất nước họ, mà xem thế càng ngày càng nguy, hẳn không thể nào khuynh tâm tận lực đàn-áp ta được như trước. Ta cứ phất cờ độc-lập, nổi hiệu tranh-đấu, khua động tất cả tầng lớp xã-hội trong nước dấy lên ủng-hộ ; trước hết tự mình tỏ-bày ý-chí tự-do, tinh-thần kháng chiến của mình ra, rồi hãy trông-mong thiên hạ giúp-đỡ. Chừng ấy, chính những địch-quốc của Pháp sẽ vì chiến-thuật có lợi cho họ mà họ phù-trợ ta cũng nên.

Nhưng hiện-thời liệu ta có đủ lực-lượng để khởi nghĩa không ?

Trước câu hỏi này, có ông nói từ ngày khởi lên chiến-tranh ở châu Âu, người Pháp đã đem và sẽ phải đem nhiều binh lực của họ về Tây, ở đây không còn mấy chút, có lẽ nào ta không đương đầu nổi ư ?

Trái lại, ông Lập Nham là người từng được học việc binh tân-thời, từng có kinh-nghiệm về quân-sự, chiến-trận, cho nên ông hiểu rõ năng-lực của mình đến đâu và lực-lượng quân thù ra sao ?

Ông nói : « Chúng ta phải tri bỉ tri kỷ trước khi bắt tay vào việc ; chớ có khinh thường lực-lượng kẻ thù ta ! Tuy chúng có đưa bớt binh-lực

về Pháp cũng còn dư quân-lính khí-giới để phòng-thủ Đông-dương. Quân-lính khí-giới ấy chắc không địch nổi một cường-quốc như họ, đến đây xâm-lăng thì có ; chứ không khó-khăn tiêu-diệt những đạo binh ô-hợp và không luyện-tập của ta. Bởi vậy, nói khởi nghĩa tức là giải quyết vấn-đề quân sự. Cố-nhiên phải lo nhiều phụ-thuộc ; khí-giới, tài-chính, lương-thực, tuyên-truyền, v. v... nhưng cần nhất là chiến-sĩ phải có luyện-tập thuần-thục mới được ! Đến quân-sự thủa xưa, người ta chỉ cốt có bắp thịt sai khiến nổi ngọn mác, thanh gươm, thế mà còn phải rèn-tập công-phu mới thành tên lính, mới đi ra trận được ; huống chi với chiến-thuật đời nay !

Cử tọa điều nhận ý-kiến ông là xác-thực. Vậy phải tính kế chắc chắn, rồi hãy cử sự ; nhất là về binh-lực cần phải luyện-tập, nếu không thì lại hóa ra chuyện sương mai hoa đèn như những lớp trước. Âu-chiến chưa thể kết-thúc ngay được đâu, tất còn kéo dài năm ba năm nữa. ta cứ dự-bị hẳn-hoi, sẽ có dịp xướng nghĩa diệt thù mong đến thắng lợi.

Kết-luận, đồng-chí dự hội đều tán-thành kế-hoạch (« khẩn điền, luyện quân ») ở bên Xiêm, giao cho ông Lập Nham phụ trách huấn-luyện.

Người Việt-nam ta sang kiều-ngụ đất Xiêm vốn đông, chia ra nhiều hạng, mỗi hạng sinh-tụ riêng một khu, gọi là xóm.

Những người ở xóm Bang-pho gần kinh-thành Bangkok, hầu hết là con-cháu đám dân đi tránh nạn Tây-sơn, theo vua Gia-long sang từ cuối thế-kỷ XVIII. Trừ ra ông già bà cả còn nhớ gốc-tích cũ,

kỳ dư đã đồng hóa với người Xiêm. Họ ở riêng thành mấy làng, nhiều người kinh-doanh buôn-bán trở nên giàu-có.

Người ở xóm Kinh là người di-cư sang sau người xóm Bang-pho. Trong đó có một số là bộ-hạ cụ Phan Đình Phùng kéo sang từ 1895. Sau khi cụ Phan qua đời, nghĩa-binh tan rã, họ không chịu hàng-phục người Pháp, đưa nhau qua Xiêm sinh-tụ từ đó đến nay, vẫn nói tiếng mẹ đẻ.

Còn người ở xóm Xiêm là tín-đồ Thiên-chúa ; trải mấy triều vua Minh-mệnh, Thiệu-trị Tự-đức, họ trốn nạn cấm đạo trong nước mà chạy sang Xiêm, phần nhiều sinh-nhai về nghề chài lưới.

Đến khoảng 1908 — 1909, Sào Nam tiên-sinh xin được nhà đương-cục Xiêm cho khai-khẩn một sở ruộng ở Ban-thầm, tụ-họp những thanh-niên cường-tráng không chịu làm nô-lệ Pháp, sang đấy ở phá rừng làm ruộng để đợi thời cơ. Có lúc Sào Nam tiên-sinh bất đắc chí ở Nhật và ở Tàu, đã sang Xiêm ở đồn-điền Ban-thầm một độ, cùng anh em chia xẻ khó-nhọc, cuốc đất, trồng cây, khi rảnh thì viết văn cổ-động cách-mệnh gửi về nước. Cho đến năm tân-Hợi (1911) cách-mệnh Tàu thành công, tiên-sinh mới trở về Trung-quốc.

Nay cuộc hội-nghị cách-mệnh ở Long-xuyên cũng quyết định theo đuổi kế-hoạch ấy, nhưng mở-mang rộng lớn hơn nhiều.

Các đồng-chí cử ông Lập Nham chuyến này ra ngoài, đi ngay sang Xiêm, lập một nơi làm ruộng đốn cây to tát, chiêu-tập hết anh em các nơi về ở cả đấy ; lại chọn-lựa những dân mình hiện kiều-ngụ ở

Xiêm, có ai còn nhớ tới tổ-quốc thì cùng quy-tụ lại tất cả lấy năm ba ngàn người ; bề ngoài chuyên việc thực-nghiệp mà bề trong thì huấn-luyện quân-sự. Số tiền cần dùng để kinh-doanh, đồng-chí Nam-bộ sẽ quyên góp, vận sang bao nhiêu cũng có.

Ông Lập Nham cùng mấy đồng-chí nữa cùng có quân-sự học-thức như ông, sẽ ở bên Tàu đưa sang, cùng ra sức rèn-tập cho năm ba ngàn người ấy thành một toán quân cường-kiện, xứng đáng là những chiến sĩ tiên-phong. Rồi thì rình-mò cơ hội sẽ mưu với người Đức hoặc một cường-quốc khác, bán khí-giới cho mình, bấy giờ nhất cử kéo về, nổi hiệu cờ quang phục.

Kế-hoạch nhất định với nhau thế rồi, ông Lập Nham từ-giã anh em, lên đường đi Xiêm.

IV

BỊ BẮT Ở HƯƠNG-CẢNG

Ông từ-giã Long-xuyên xuống tàu thủy lên Nam-vang thăm cha già đã cách-biệt lâu năm ; rồi sẽ từ Nam-vang đi đường bộ lên Battambang qua Xiêm rất tiện.

Hồi đó là mùa thu năm giáp-dần (1914).

Năm trước, xứ Bắc có hai vụ ám-sát chính-trị phát ra liên-tiếp trong vòng nửa tháng, là vụ ném bom giết tuần-phủ Nguyễn duy Hàn ở Thái-bình và hai võ-quan Pháp ở cửa Hà Nội — Hôtel. Người Pháp nhận thấy trong những hành-động táo-bạo ấy rõ-ràng có linh-hồn và cánh tay của phái Đông-du, mà vây-cánh thế-lực tràn lan hải-ngoại lẫn trong nước, cho nên lại ra sức đàn-áp. Một mặt giao-thiệp khôn-khéo với nhà cầm-quyền ở các tỉnh biên-giới nước Tàu là nơi chí-sĩ Việt-nam mượn làm căn-cứ hoạt-động, muốn bắt tất cả những người đáng để ý nhất hồi bấy giờ như Sào Nam, Cường Để, Mai Sơn, Nguyễn Hải Thần, Hồ tùng Mậu, Lương Ngọc Quyến, Hàn Minh v.v... Một mặt khác thẳng tay trừng-trị văn-thân nghĩa-sĩ trong nước. Lúc ấy cụ cử Nhi-khê sắp-sửa lên

đường Đông-du thì bị người Pháp hạ ngục. Hội-đồng Đề-hình cuối năm ấy đem ra vấn tội một xâu dài chính-trị-phạm, kết án 14 tử hình (trong số đó 7 người xử tử vắng mặt là Sào Nam, Cường Đề, Nguyễn văn Thụy tức Hán Minh, Nguyễn bá Trác, Lương Ngọc Quyến .v.v.), 1 án chung thân khổ sai, 10 án cấm cố, 13 án lưu đồ, trong ấy cụ cử Nhị-khê là một.

Người Pháp đưa cụ sang Nam-vang an trí; thời hạn là 10 năm.

Mỗi việc xảy ra như thế, ông Lập - Nham ở hải ngoại đã được tin-tức đồng-chí trong nước thông báo cho biết.

Vì thế nay có dịp về Nam-bộ cùng anh em bàn về việc kinh-doanh bên Xiêm và được ủy-nhiệm xếp-đặt việc ấy, ông muốn đi đường bộ sang Xiêm cho được ghé qua Nam-vang.

Sau khi ông lên đường, anh em đồng-chí ở Nam-bộ liền mở cuộc quyên góp được một số tiền lớn, có thể đủ dùng cho kinh phí buổi đầu, rồi sau sẽ trù khoản tiếp tế thêm. Số tiền ấy sẵn-sàng chờ đợi có tin bên Xiêm về thì đảng phái người sang ngay.

Chẳng dè càng mong càng bặt, một tháng, hai tháng, cho đến ba tháng, bốn tháng cũng không nhận được tin-tức gì cả.

Ai nấy đều lấy làm lạ, tỏ ý lo-ngại, nhất là anh em đã giao-ước thông báo tín-tức cho nhau luôn, do mỗi kỳ tàu Sài-gòn, Bang-kok có người trong đảng nhận-lĩnh thư-từ, mà hiệu thợ giặt Ba Tiêu ở cầu Khánh-hội tức là nơi bí-mật chuyển đệ.

Mọi người trông-ngóng sốt ruột, phỏng đoán một cách.

Việc giao-thiệp khó-khăn, hoặc chưa tìm ra khu đất nào thuận-tiện vừa ý chăng?

Có lẽ thế. Nhưng ở bên kia Cửu-long-giang, về địa-hạt Xiêm thiếu gì đất hoang, người ta có thể xin khẩn lúc nào chẳng được? Vả lại, ta đã có sở ruộng Ban-thầm và sẵn có đồng-chí tụ-họp, nay muốn mở-mang lớn ra, việc bàn-tính sao phải lâu lắc đến thế?

Hay là Lập Nham đi thẳng sang Tàu rồi chăng?

Cũng có lẽ. Nhưng có đi đâu phải bảo cho anh em ở nhà biết chứ.

Không ai nghĩ tới sự bị bắt, vì ông về nước với thông-hành hộ chiếu Trung-hoa và hành tung giữ cực bí-mật chắc không thể xảy tới sự không may.

Đồng-chí Nam-bộ mong đợi mãi đến tháng tư năm sau (tháng năm 1915) có người ở Hà-nội vào nói cho anh em biết cái tin sét đánh:

— Lập Nham bị bắt rồi!

— Khổ chưa! Thảo nào chúng tôi càng trông tin càng biệt. Bị bắt ở đâu?

— Bị tụi trành của Pháp lừa bắt được ông tại Hương-cảng, đã giải về Hà-nội giam trong hỏa-lò.

Những người quen biết và hiểu rõ chí-hướng của ông khi nghe tin đều phải ngậm-ngùi than thở:

— Đáng tiếc! Đáng tiếc! Thế là kế-hoạch (doanh-điền, luyện binh) của chúng ta tiêu tan và nước nhà lại mất thêm một tay tráng-sĩ!

Thật thế, ông bị bắt ở Hương-cảng.

Thì ra ông lên Nam-vang mới ở có mấy ngày, cùng cha già em bé chưa được thỏa tình mười năm ly-biệt, đã có tin mật-báo cho hay rằng người Pháp hiện đang tầm-nã ráo-riết, vì hành-tung bạ lộ mất rồi, nên kíp xa chạy cao bay, không thì nguy-hiểm.

Đã thế thì một giờ lưu lại Cao-miên tức là một giờ hiểm-nghèo, ông vội-vã tìm cách tẩu thoát. Đầu tiên định chạy thẳng qua Xiêm là nơi đã mục-đích nhắm từ trước, chỉ cách Nam-vang có một ngày đường ô-tô là đến biên-giới.

Nhưng lại nghĩ tung-tích đã bại-lộ, người Pháp tất đã báo tin và giăng lưới khắp nơi, bây giờ sang Xiêm cũng nguy mà phần nguy lại có lẽ nhiều hơn. Vì bà con ta thù-ghét chính-sách đô-hộ, trốn sang ở Xiêm nhiều, cho nên người Pháp tổ-chức công việc do-thám rất chặt-chẽ ; ngay trong sứ-quán Pháp tại Bang-kok có một cơ-quan riêng để trinh sát hành-động của phái Việt-nam phản-đối, không ai không biết. Từ trước, vô số người bô-đào đã sa vào lưới ấy mà kẻ làm ngư-ông chính là một người đồng-bào trung-thành với Pháp.

Nay muốn thoát hiểm mà lại chạy sang Xiêm, khác nào con cá dưới sông hồ tự nhẩy lên, đặt mình trên thớt của chú đầu bếp.

Thôi thì công-việc mưu toan bên Xiêm để một vài tháng nữa sẽ hay. Giờ phải tìm cách thoát thân đã. Thân còn thì công-việc ấy sớm muộn cũng có dịp thi-thố, nếu để mình lọt vào tay kẻ thù thì mất cả tự-do, tuyệt hẳn hy-vọng.

Ông Lập Nham suy-nghĩ thế rồi, trở xuống Sài-gòn, lần lút ở Chợ-lớn hết vài tuần, mới thu-xếp được với bọn thủy-thủ khách dưới tàu họ đem đi trốn sang Hương-cảng.

Một khi đã trốn được xuống tàu, ra khỏi Ô-cấp (Cap Saint Jacques) là ra ngoài vòng con mắt bàn tay của bọn thám-tử ; lại sang Hương-cảng là tô-giới Anh thì hẳn không lo có điều gì bất trắc xảy đến. Chẳng phải nước Anh nổi tiếng tôn-trọng tự-do nhất thế-giới và hay bao-bọc chính-trị-phạm quốc-tế ư ?

Kỳ thật, họ chỉ khéo giả nhân giả nghĩa. Hễ là tụi thực-dân chuyên môn đi giành quyền cướp đất thiên-hạ mà sống, thì dù ở đâu cũng một lò, một khuôn đúc ra. Bao giờ họ cũng bênh-vực giúp-đỡ lẫn nhau, chớ nghĩ chính-trị phạm nào đến núp dưới bóng cờ họ mà họ tôn-trọng công-pháp không bắt hộ nhau. Trong vòng 40 năm nay thiếu gì nhà bôn-tẩu quốc-sự ta, như Đặng tử Kính, như Tạ thu Thâu, đã bị cảnh - sát Anh bắt ở Hương c ng, ở Tân-gia-ban, hoặc ở tô-giới Thượng-hải, rồi giao trả cho Pháp. Tội-nghiệp chúng ta đặt bao nhiêu hy-vọng vào các nước Đồng-minh dân-chủ, rồi phải ngẩn người trắng mắt với nhau khi được trông thấy chính người Anh che-chở dìu-dắt cho bọn thực-dân cướp lại Nam-bộ

Cuối năm giáp-dần, ông Lập Nham cũng vì tin ở người Anh tôn-trọng quốc-tế công-pháp đối với chính-trị-phạm, cho nên đến Hương-cảng tức là đưa mình vào miệng con cọp dữ.

Ông lên bờ, ngụ vào một nhà trọ quen, trong

trí đang mừng thầm đã thoát khỏi nguy-hiểm và yên-ổn xếp-đặt hành-trình đi Xiêm nay mai, bỗng một tảng sáng, linh cảnh-sát trinh-thám Anh rần rộ vây nhà bắt ông và dẫn đi.

Trước mặt viên cảnh-sát-trưởng Anh ông giữ thái độ rất trấn tĩnh, không lộ vẻ gì lo-lắng, hoảng-hốt, một hai nói mình là người Tàu làm ăn lương thiện, tự-nhiên bị bắt là nghĩa làm sao ?

— Anh là Lương Ngọc Quyến, người Việt-nam bị kết án bạo động ! Viên cảnh-sát-trưởng nói.

— Ồ ! Các ông bắt láo. Tôi chính là Lương Lập Nham, người Trung-hoa.

Mặc ông chối cãi, ty cảnh-sát chính-trị Anh cứ cho giải đến đối chất ở lãnh-sự-quán Pháp. Sự thật chính viên lãnh-sự Pháp nhờ mật-thám Anh ở Hương-cảng bắt hộ, theo điện-văn của chính-phủ đô-hộ Đông-dương thỉnh cầu.

Tại đây, ông cũng một mực bình-tĩnh, đưa ra hộ chiếu nọ, chứng-tá kia, hết sức biện-bạch mình không phải người Việt - nam, mà thật là người Trung-quốc. Đã là người Trung-quốc, lại không hề phạm tội gì ở Hương-cảng, hơn nữa không có chuyện gì dính-dáng với Pháp, thế mà người ta bắt-bớ giam-cầm một cách vô cớ, té ra khinh-miệt chủ-quyền Trung-quốc, xâm-phạm cá-nhân tự do mà xưa nay hai nước Pháp. Anh vẫn khoe tuyệt đối tôn-trọng và bảo-hộ ; thêm vào đó xâm-phạm cả quốc-tế công pháp nữa. Vậy thì họ phải lập tức trả lại tự do cho ông ; hay là nếu họ còn có chỗ ngờ-vực không tin, phải giao trả về nhà đương-cục Quảng-châu xử lý, chứ họ không có quyền bắt giam ở đất

Trung-hoa một người Trung - hoa vô tội thế này. Kết-thúc, ông nói sự bắt giam ngang-ngược này có lẽ sinh chuyện phiền-phức về ngoại-giao, vì Trung-hoa Dân-quốc chẳng phải đâu nhu - nhược như Mãn-thanh lúc nọ, quyết không nghe cho một tên dân nước mình bị bạc-đãi lạ lùng đến thế.

Đại-khái những lý-do ông dẫn ra cứng-cỏi, hợp lẽ, mà thái-độ lại ung-dung, thần sắc bất biến, có lúc gieo mầm phân-vân lưỡng lự vào đầu-óc viên lãnh-sự Pháp.

Người chủ nhà trọ và mấy người bạn Tàu ở Hương-cảng cũng sẵn lòng đến làm chứng hộ ông quả là công-dân Trung-quốc trăm phần trăm.

Song một sự ngẫu-nhiên, một điều bất ngờ, tự nhiên vung tay hất đổ tất cả, và nó làm chứng trái hẳn, không còn cãi vào đâu được nữa.

Ông bị bắt sau một hai hôm, thì bào-đệ là ông Nghị Khanh — cũng đi học bên Nhật, thụ-nghiệp ở trường Đồng-văn thư-viện, nghiên-cứu về kinh-tế, như một chương trên kia đã nói, — tự Hoành-tân về đến Hương-cảng.

Nghị Khanh ở dưới tàu thủy lên, chở hai, ba rương hòm sách-vở hành-lý đến nhà trọ của anh. bấy giờ mới biết sự-tình anh đã lâm nạn. Người vốn ốm sẵn, Nghị Khanh thấy nhà trọ anh chật chội không thể ở chung, bèn gửi tạm hành-lý ở đó, tất tả đi Cửu-long tìm nhà đồng-chí Tàu lấy nơi trú-ngụ dưỡng bệnh, đồng thời loan báo họ ra sức vận-động thế nào giải thoát cho anh, chậm-trễ thì hỏng.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Trong thời-gian ấy, cảnh-sát Anh thình lình đến khám-xét ngụ-sở ông Lập Nham chắc định tìm lấy mảy may dấu-tích gì chứng-tỏ ông quả thật nhà cách-mạng Việt-nam mà Pháp yêu-cầu bắt hộ. Nếu không có mảy may gì, tất họ trả lại tự-do cho «chú khách» đã bị bắt oan, bắt lầm và xin lỗi khôn khéo một hai câu cho xong chuyện, chứ không thể cầm giữ mãi được.

Bất đồ mở tới mấy rương hành-lý Nghị Khanh đã gửi, họ vớ được vô số tang-vật chỉ tỏ ra «chú khách» ta đích thị Lương Ngọc Quyến, đảng-viên cách mạng Việt-nam mà họ bắt đúng. Cuộc khám-xét này thành công và có ý-nghĩa cho họ, như phát ra một mũi tên mà hạ được cả đôi chim to ; vì chủ mấy cái rương hành lý bọn thực-dân Pháp cũng muốn đặt tay vào cổ nhân thể.

Thì ra bao nhiêu hình-ảnh thư-từ anh gửi cho em trong khoảng mấy năm gần đó, Nghị Khanh đều giữ lại trân-trọng, coi như vật kỷ-niệm quý-báu thiêng liêng ; cả mấy bức ảnh khi hai anh em còn học với nhau ở Đông-kinh, và khi ông Lập Nham còn đóng thiếu-tá trong quân-đội cách-mạng Hán-khẩu cũng có.

Từ giờ phút ấy, ông thái-nhiên nhận lấy số-mệnh không may, chẳng nói gì nữa.

Mấy hôm sau, nhà đương-cục Anh ở Hương-cảng — để che mắt thế-gian và gọi là trục-xuất cảnh ngoại — cho giải ông xuống tàu đưa đi Quản-châu-loan, bí-mật thông tin cho người Pháp đón lấy mà bắt.

Ông bị giam ở Quảng-châu-loan hết vài tháng, rồi đương-cục Pháp ở đó giải về Đông-dương vào khoảng tháng hai năm ất-mão (1915)

Đối với chính-trị-phạm quốc-tế, người Anh vẫn có lối giả đạo-đức như thế. Một nhà cách-mạng nước khác đến đất họ quản-trị mà âm mưu hoạt-động gì, họ chỉ bắt giam để xét hỏi rồi đưa ra khỏi địa-phận họ mà tha cho đi đâu thì đi, chứ không kết án làm tội — trừ ra có làm việc gì xâm-phạm đến trị quyền sở-tại — nhất là không giao trả (extrader) cho chính-phủ quan-hệ của nhà cách-mạng ấy.

Bề ngoài họ làm ra vẻ tôn-trọng cá-nhân tự do của chính-trị-phạm quốc-tế như vậy, nhưng bề trong họ ném đá giấu tay, bắt giao người ta một cách gián-tiếp. Tức như trường-hợp ông Lập Nham và nhiều nhà cách-mạng khác đã sa vào lưới giả nhân giả nghĩa của người Anh. Thật thế, bảo rằng họ chỉ đuổi ông ra khỏi đất Hương-cảng, chứ không giao tay cho người Pháp bao giờ ; thế sao họ không thả ông vào nội-địa Tàu cách xa có mấy bước, lại phải đưa đi Quảng-châu-loan là đất thuộc Pháp ? Chẳng phải họ dụng tâm giao trả ông Lập Nham cho Pháp là gì ?

Ông ở hải-ngoại về Nam-phần thình lình giữ-gìn cực kỳ bí mật, trừ anh em đồng chí không ai hay biết gì cả, tại sao người Pháp lại dò ra tung-tích rồi theo dõi cho tới Hương-cảng bắt được mới thôi ?

* *

— Ôi ! Mười vụ cách-mạng bại lộ mất chín ; mười nhà cách-mạng bị thực-dân bắt được, tại có người mình lập công cầu lợi, làm trành (1) cho nó chứ gì ! — người này trả lời.

(1) Tương truyền người bị hổ ăn thịt, cái hồn vẫn phải theo đuổi hổ, rình-mò run rủi làm sao, có người khác cho hổ ăn, bấy giờ mình mới được siêu thoát. Đến lược hồn sau cũng thế. Người ta gọi cái hồn đi bắt mồi cho hổ như thế là « trành ». Nhân đấy thành ra danh-từ chỉ tổ như kẻ làm mật-thám cho quân thù để hại đồng loại

—Khốn nạn! Nhiều khi chính là đồng-chí phản trắc khai ra cũng có! — người kia nói và thở dài.

Người khởi nghĩa Thái-nguyên bị bắt, vì tụi trành của thực-dân thả ra tứ tung, mà cũng vì có một bạn đồng-chí phản-trắc, mật báo cả đường đi lối bước cho thực-dân bắt được bạn, để gỡ tội lập công, thêm được phú-quý. Dưới đây các ngài sẽ thấy trong một bài thơ tuyệt mệnh, có một câu tác-giả ký ngụ nỗi buồn đó.

Nhiều nhà cách-mạng đồng thời với ông Lập Nham nay hãy còn đó ; các cụ nói trắng cho chúng tôi biết rằng : kẻ bất lương đã bán đứng Lập Nham cho thực-dân, chính là Nguyễn bá Trác.

Nguyễn báTrác là bạn cùng học bên Nhật một lớp với ông, sau cùng về ở nước Tàu bôn tẩu quốc sự với nhau, tình thân nghĩa thiết. Lại cùng là một số bảy người bị thực-dân kết án tử-hình khiếm diện cuối năm 1913. Qua đầu năm sau, va đã về đầu hàng và được ở Nam-phần. Va cũng ở Long-xuyên trong khi ông Lập Nham từ hải-ngoại trốn về, mật-hội đồng-chí ở nhà bạn Nguyễn thượng Khách. Khôn-ngoan và từng trải, va thừa biết Lập Nham là một trong những tay hải-ngoại vận-động rất lợi hại lúc bấy giờ, chắc thực-dân cần bắt và muốn bắt để tiêu-diệt lần hồi vây-cánh thế-lực của phái Đông-du. Vậy thì báo bắt người ấy có ba điều lợi cho va : một là dâng món quà hiếm-hoi để mua lòng tin-cậy của thực-dân, vì từ khi ra thú, va chưa lập nên công-trạng gì ; hai là xóa được án cũ ; ba là bước đi đến công-danh.

Vì thế sau khi ông Lập Nham từ-giã Long-

xuyên đi Cao-miên, va mật báo cho ty liêm-phóng biết mà theo dõi ? Những người hiểu rõ câu chuyện, nói rằng chỉ chậm độ nửa giờ, ông có thể bị bắt ngay ở Nam-vang.

Muốn săn cọp mà hạ kỳ được, không thì có thể bị cọp vồ chết mình, va lại vạch rõ cả hành-tung và những nơi trú-ngụ ở hải-ngoại cho thực-dân biết mà săn bắt ; dù cho cọp có thoát vòng vây trong xứ thì ra ngoài cũng phải mắc lưới.

Quả-nhiên, sang đến Hương-cảng thì ông bị bắt.

Có người nói một viên-chức ở Lãnh-sự quán Pháp tại Hương-cảng tên là Thu, cũng có công lao trong vụ ấy. Bình nhật, Thu vẫn tới lui quen biết ông Lập Nham một cách thân-thiện ; nay hắn trở mặt, thấy ông đến Hương-cảng, liền mách lãnh-sự Pháp nhờ cảnh-sát Anh bắt hộ.

Chúng tôi quên nói lúc ông ở Sài-gòn thoát hiểm về Hương-cảng, trong trí đã dự-định chỉ lưu lại mấy tuần, rồi nếu tình-thế chưa tiện đi Xiêm để kinh-doanh công cuộc « khẩn điền luyện binh » thì ông thừa dịp đi Âu-châu, đến tận nước Pháp, cho được thấy rõ văn-minh và lực-lượng kẻ thù ra thế nào ?

Việc dự-định ấy, hình như Thu biết. Va mật báo người Pháp tính cách bắt ông ngay. Họ sợ để ông lọt sang Pháp sẽ bí-mật giao-thiệp và tuyên-truyền cách-mạng trong đám linh mộ Việt-nam, tất là nh ễu sự.

V

MỘT NGƯỜI HIỆP-NỮ

Từ Hương-cảng giải về Bắc, thoạt tiên ông bị giam trong xà lim hỏa-lò Hà-nội để chờ xét lại án cũ. Ngày đêm cùm-xích canh phòng cực nghiêm, bất cứ đồng chí hay gia nhân, chẳng ai được phép thông tin, giáp mặt.

Ai cũng lo thời-kỳ chiến-tranh nghiêm-trọng — lúc ấy giữa năm 1915 — có lẽ chính-phủ đô-hộ thẳng tay xử đến cực hình y theo án cũ ; vì trong khi xét hỏi, ông đối đáp rất cứng, tỏ mình phản-đối chính-sách thực-dân ra mặt, không cam khuất-phục. Bất quá họ ỷ sức mạnh cũng đến giết mình là cùng ; đời người chỉ chết một lần chứ không có hai.

Trước hết, họ giải ông lên Cao-bằng, ra trước tòa án nhà binh tại đó, để trả lời một vụ đánh cướp đồn lính ở biên-thùy Quế, Việt, mà họ dò biết chính ông là một tay chủ-động.

Toà án binh muốn kết án, nhưng không đủ chứng-cớ, đành phải tha bổng.

Người ta lại giải trở về Hà-nội, giam vào hỏa

lò cho hội-đồng Đề-hình xét lại cái án chính-trị đã xử vắng mặt hơn một năm trước.

Sự thật tòa án thực-dân hằn-học với phái Đông-du, hễ vớ được ai là nhăm nhăm làm án thật nặng, không còn thương-xót.

Nhưng với ông Lập Nham, họ không tìm đủ điều-kiện vật-chất tỏ ra ông thật có thiết thực tham gia vào các cuộc cách-mạng bạo động từ 1906 tới đây, cũng chẳng bắt được ông quả tang giữa trận đang cầm súng bắn nhau với người Pháp bao giờ, thành ra không thể xử vào cực hình theo như ý muốn.

Tuy-nhiên họ vẫn đủ chứng-cớ để kết án ông chung thân cấm cố ; vì theo chỗ khám-phá của tụi trành và lời khai của những người bị bắt bấy lâu, ông chính là một phần-tử rất hoạt-động trong vòng năm sáu năm gần đây, đối với chủ-quyền ở Đông-dương của Pháp luôn luôn thù-nghịch và tìm cách phá-hoại.

Dù án đã kết mặc lòng, toàn-quyền Sarraut và chánh ty Liêm-phóng Đông-dương vẫn cho người vào ngục thuyết ông, nếu chịu quy thuận giúp-đỡ chính-phủ, thì án sẽ hủy đi và được trọng-dụng hậu-đãi là khác. Họ hỏi về thực-lực của đảng, nhưng ông kiên quyết không chịu khai. Ông nói :

— Các anh muốn làm gì ta thì làm ! Một người cách-mạng chân-chính không khi nào chịu khuất-phục quân cướp nước.

Sau họ lại đưa ông về Nam-định giao cho viên Công-sứ Tissot người đã dụ-dỗ được rất nhiều người ra thú. Viên công-sứ đối-đãi ông rất tử-tế

không giam-cầm như mọi tù-tội khác. Ông được đi lại tùy tiện, muốn đi ra phố, hắn sai người đánh xe ngựa để ông đi chơi, ông tự-nhiên mà nhận sự đối-đãi ấy như là mình có quyền hưởng và người Pháp phải đối-đãi như thế ; nhưng hễ hỏi đến việc đảng và dưa quan-tước ra dụ ông thì ông nhất định không nói và khẳng-khái không nhận. Như thế trong ba tháng, biết rằng không thể lay-chuyển được, viên công-sứ gửi trả chính-phủ để xử ông theo luật định

Vì thế bọn cầm quyền giận ghét ông cay-đắng, từ đấy có lệnh riêng cho viên giám-ngục đối-đãi cực kỳ tàn-bạo, để ông phải chết lần chết mòn một cách đau-khổ hơn là sự chém.

Họ phát vãng nay đề-lao Sơn-tây, mai nhà ngục Phú-thọ, đến đâu cũng giam cùm trong một xà-lim hết sức chật hẹp, bẩn thỉu, đừng nói ánh sáng, đến ngày không-khí để thở cũng thiếu. Suốt ngày không có một phút được trông-thấy ánh mặt-trời. Còn sự ăn-uống kham khổ và thiếu cả điều-kiện vệ-sinh ở trong các lao-ngục thuộc-địa thì không cần nói. Các nhà văn Louis Roubaud, André Viollis đã tả chân cho thiên-hạ thưởng thức. Cáo mượn oai hùm,dê mang da cọp, lũ thầy-chú trong đề lao thêm vào cho tù phạm một tai-họa mau chết nữa.

Hơn bốn tháng ở ngục Phú-thọ đủ làm cho ông Lập Nham phát ốm phát điên, bệnh-tình nguy-kịch

Bấy giờ người ta lại giải về hỏa lò Hà-nội cấm cố ít lâu, rồi cho tùy ý lựa-chọn lấy một nơi phát vãng.

Ông ngỏ ý muốn được phát vãng Tuyên-quang.

Nhưng ông đã không được như ý muốn, họ phát vãng ông lên Thái-nguyên.

Lúc ấy vào khoảng cuối xuân 1916.

Sự đối-đãi ở Thái-nguyên cũng chẳng hơn gì nơi khác, ông bị xiềng cùm ác-nghiệt, hành-hạ tàn nhẫn, đến nỗi bại một bên mình, rồi sau một chưn tê-liệt hẳn không tự cử-động gì được.

Đầu tứ hung (1) là công-sứ Darles, lúc bấy giờ tọa trấn Thái-nguyên, đối với dân với lính, với tù, thôi thì tra tấn, đánh đập, mầy tao mắng chửi, hết sức độc ác dã-man. Sau vào Sài-gòn làm báo, làm chủ hãng rượu, có lúc ra tranh cử nghị-viên, bọn cừu-địch hắn mới tố giác chuyện cũ ra, đặt cho cái tước hiệu là (Le bourreau de Thái-nguyên) và trưng dẫn bằng cớ, bảo cuộc bạo-động ở Thái-nguyên năm 1917 chính tự hắn hung-ác với tù, với lính mà gây nên.

Thuyết ấy cũng có một phần đúng sự thật. Lâu thông tiếng Việt, hắn thích được dân vái bẩm cụ lớn. Tù đi làm cỏ-vê trong dinh sứ cũng như ngoài đường, hay bị hắn tác oai đánh dập tàn-nhẫn, cả lính khố xanh đi theo cũng không tránh khỏi. Nhân tâm chứa đầy phẫn-khích, như hòm thuốc súng chỉ đợi có người biết châm lửa đúng vào ngòi là phát nổ.

Hắn đặc biệt nguyền-rủa căm-hờn bọn tù chính-trị, vì họ thường gửi đơn kêu-nài chuyện nọ, yêu-xách chuyện kia luôn. Bởi vậy, lúc nghe viên giám

(1) Tứ hung : Nhất Đạc, nhì Ke, tam Ma, tứ Bích, tức là Darles, Ec-kert, Delamarre, và Bride, bốn vị công-sứ bạo-ngược xứ Bắc. Bà-con ta gọi là tứ hung và xếp thành một câu ca dao.

ngục (Tây) đến báo cáo rằng tên tù chính-tri Ba Quyến mắc bệnh tê-bại và hỏi có nên nới bớt lệ cùm đôi chút không. Darles hất hàm trả lời, sừng-sộ :

— Mặc kệ ! cứ cùm, chết thì chôn.

Câu nói của tên đầu đảng tứ hung — mà sau kẻ thù hắn đem ra tố-giác trước · dư-luận, — phơi rõ trong óc con người ấy không còn chút gì gọi là nhân-đạo. Hắn cho một người Việt-nam ở tù mặc dầu là chính-trị-phạm, mà lại bệnh-tật què-quặt nữa, là một người không đáng kể

Mà quốc-sự phạm Lập Nhan đến nỗi tê-bại què chưn, là do cách đối-đãi ác nghiệt của Darles.

Thật thế, hắn đọc hồ sơ, thấy kể lai-lịch là con nhà văn-thân, toàn gia phản-đối thực-dân, lại là thanh-niên Đông-du tốt-nghiệp ở trường võ-bị nọ kia, trong lòng căm-ghét vô kể, cho nên lập tâm hành-hạ đến cùng cực. Ban đầu, hắn bắt đi làm khổ sai, mà cổ đeo gông, chưn mang xích nặng-nề hơn cả anh em đồng nạn. Tự hắn ra đứng bên ốp việc, sừng sộ ngược-đãi đủ cách, chỉ sợ Ba Quyền thừa cơ tuyên-truyền cách-mạng cho dân-chúng hoặc là đào thoát. Sau hắn sai dùi thủng ở giữa bàn chưn thành một cái lỗ, để buộc giây xích cho được chắc-chắn hơn là vòng quanh cổ chưn.

Nghĩ xem, khổ hình ấy không làm nhà cách-mạng Lập Nham què liệt sao được ? Đến lúc què hẳn, không phải ra ngoài làm khổ sai, nhưng ở trong sà-lim vẫn cùm-xích đêm ngày.

Có ai tưởng-tượng người ấy tuy thân bị nhốt, chưn bị què, mà khối óc vẫn lo việc cứu nước, không quên quân thù ? Rất đỗi cứ nằm trong ngục

tối, gắn chưn vào cùm, mà chủ-trương xếp-đặt một cuộc võ-trang cách-mạng, dần dà cảm-hóa khuyến-khích được ông đội khố xanh Trịnh Cấn kéo cờ khởi nghĩa giữa tỉnh Thái-nguyên đêm hôm 13 tháng 7 năm đinh-tỵ ! (1917)

. • .

Nhưng, một đằng là tù trọng-phạm, bị cùm luôn trong xà-lim mà kẻ giữ ngục lại là người Pháp, một đằng là đội khố xanh ở bên trại lính không có quyền-hành gì với đề lao, hai bên cách-biệt hẳn nhau và đều ở dưới con mắt luôn luôn xem xét rình mò, thế thì ông Lập Nham với ông Đội Cấn làm cách gì để trao-đổi thanh khí tin-tức được với nhau mà mưu-tính được một việc, là cuộc khởi nghĩa ?

Chỗ này xuất-hiện một người đàn-bà khôn-ngoan, can-đảm, chịu hy-sinh tất cả thân-thế gia đình cho việc cách-mạng, ta cần phải biết.

Ở trong ngục Thái-nguyên hồi bấy giờ, kể cả ông Lập Nham, có đến chục người quốc-sự phạm. Trừ ông Lập Nham què liệt bị giam-cầm đêm ngày, còn các người khác vẫn phải đi ra ngoài làm việc cỏ vê tùy án nặng nhẹ.

Trong hạng tù ấy, có hai anh em ruột, Cả Thấu và Hai Vịnh (có người nói là Vy) cũng là chiến-sĩ cách mạng còn trẻ tuổi, có tiếng gan-góc, giỏi võ-nghệ, tâm-địa rất tốt.

Hai người là con ông cử Phùng văn Nhuận, làng Vân-cốc, tỉnh Sơn-tây, một tướng-lĩnh văn-thần chống cự quân Pháp ngay lúc đô hộ mới xây-dựng trên đất Trung, Bắc. Chắc ai cũng nhớ đoạn

sử năm 1884, Nam-triều thất thế, phải nhìn-nhận quyền Pháp bảo-hộ, ra lịnh giải tán quân-thứ và khuyên-nhủ quan-lại phục-tùng chính-sách mới. Sĩ-phu phẫn-khích sôi-nổi, nhiều ông nộp ấn từ quan, để về mộ binh đánh Pháp ; đầu hết là ông Nguyễn thiện Thuât, tán tương quân-vụ Sơn-tây. Văn-thân hưởng ứng rất đông. Ông Nguyễn văn Giáp đang làm bố-chính tỉnh Sơn cũng bỏ quan về kéo cờ khởi nghĩa; quân-sư và phó-tướng đạo nghĩa-binh này tức là ông cử Phùng văn Nhuận.

Sau chủ-tướng Bố Giáp qua đời, ông Phùng văn Nhuận lên thay quyền chỉ-huy, luôn mấy năm kháng chiến ở vùng giáp giới Sơn-tây, Hưng-hóa. Nhưng thế cùng lực tận, nghĩa-binh tan vỡ, ông thủ khoa Nhuận (cũng có người nói ông đỗ thủ khoa) phải mai danh, ẩn tích, về miền Vĩnh-yên dạy học.

Trong lúc gõ đầu trẻ, ông vẫn bí-mật giao thiệp với các văn-thân phản-đối, mưu sự khởi binh lần nữa.

Người Pháp nghe tiếng, cố sức ép-buộc phải ra làm tri-huyện. độ hơn một năm, ông kiếm cớ bỏ về, theo đuổi chí cũ.

Một người bạn ông, muốn được thăng chức án-sát, bèn tố-giác hành-động của ông. Vì thế ông bị bắt và đưa về giữa làng Vân-cốc xử chém. Lúc chết, ông ung-dung dặn lại con-cái mai sau phải giết giặc trả thù cho cha.

Đời là thế, ấy đời là thế,
Hồn có thiêng cũng hé miệng cười.
Những quân dạ thú mặt người,
Quá ham danh-lợi, đạo trời kể chi !

Lại gặp lúc nước suy thế ngặt,
Lũ « rước voi » ra mặt tung-hoành.
Thi nhau bán nước cầu vinh,
Còn đâu nghĩ tới chút tình keo sơn.

Đó là mấy câu trong bài văn của sĩ-phu tỉnh Sơn cảm-khái về việc ông thủ-khoa Nhuận ngộ hại.

Ông chết, nhà-cửa bị tịch thu, vợ con phải phiêu-bạt.

Chí-khí cách-mạng di truyền trong mạch máu. Cả Thấu và Hai Vịnh lớn lên, đi theo Đề Thám, mong cứu nạn nước để báo thù nhà. Sau khi Đề Thám thất bại bị giết, hai anh em họ Phùng còn ra sức thu góp tàn lực kháng chiến một hồi rồi mới bị bắt. Người Pháp kết án khổ sai đày lên Thái-nguyên.

Bình-nhật ông Đội Cấn vẫn ôm lòng ái-mộ những chính-trị-phạm ở bên đề-lao, thường tìm cách thuận tiện để thông tin và tặng hảo thuốc men quà bánh. Nhất là nghe rõ ông Lập Nham có khí-tiết và có học-thức quân-sự giỏi, ông Đội Cấn càng đầy lòng khuynh lộ. Vì thế hai người vẫn trao đổi thanh khí với nhau.

Nhưng sau, thật nhờ có cô em của hai chiến-sĩ họ Phùng làm nội ứng, tin-tức trao đổi chẳng những mau-lẹ và có hằng ngày, mà cuộc khởi nghĩa cũng được sớm thực hiện, theo như kế-hoạch ông Lập Nham đã định. Cô như là người phát ngôn của tất cả anh em chính-trị-phạm ở đề lao, khuyến-khích thúc-giục ông đội Cấn mau mau thực-hành đại sự.

Lúc ấy cô mới ngoài 20 tuổi, vẻ người xinh-xắn

có duyên, nhất là ăn nói lanh-lợi, dễ cảm. Hình như cô đã có chồng ở nhà quê, nhưng có người nói chưa cưới,cô vẫn ở với lão mẫu, một mẹ, một con, nương-tựa lẫn nhau. Từ lúc hai anh em bị phát vãng Thái-nguyên, thường năm vài lần bà thủ-khoa sai cô lên thăm-nom cấp dưỡng hai anh.

Má hồng của người thôn nữ Sơn-tây dần dà lọt vào mắt xanh thầy đội họ Trịnh.

Thấy thế, Cả Thấu và Hai Vịnh liền nghĩ ra kế thỏa hiệp, nói thật cho cô biết đại sự đang mưu tính giữa các đồng-chí ở đề-lao và bên trại lính. Rồi đem nghĩa lớn thù nhà nạn nước ra thuyết cô em, yêu-cầu cô nên hy-sinh giúp-đỡ cho đại sự được chóng thành. Nghĩa là yêu-cầu cô thuận lấy Đội Cấn, để làm người giao thông giữa ông ta với anh em chính-trị-phạm trong đề lao, như thế mới được kín-đáo chắc chắn Đồng thời, cô khéo tìm cách lựa lời khích-lệ giục-dã chồng làm sao cho việc khởi nghĩa thực-hiện càng sớm càng hay ; kẻo để dây-dưa lâu ngày không khỏi tai vách mạch rừng, hỏng mất công việc.

Hai tráng-sĩ biết rõ em gái mình cũng là hạng người có tâm-huyết, hiểu đại nghĩa, cho nên mới ngỏ hết bí-mật và yêu-cầu cô em một việc khó-khăn như thế.

Cô suy-nghĩ rồi trả lời ngay một cách cả quyết, vui vẻ :

— Quả như hy-sinh mà có lợi-ích chút nào cho việc nước thù nhà, em đây chẳng dám tiếc thân !

Một lát, cô lại tiếp :

— Nhưng ở nhà chúng ta còn mẹ già, từ khi

vắng mặt hai anh, chỉ có một mình em sớm thăm tối viếng. Em cần phải xếp-đặt chỗ ấy cho yên-ổn đã, trước khi vâng theo lời dạy của hai anh.

— Cô nghĩ rất phải ! Cả Thấu nói và giục em. Vậy thì cô về ngay nhà đi ! Anh chắc thế nào mẹ già cũng khuyến-khích chúng ta, chứ không cản trở.

Tức thời, cô lên đường về Sơn thu-xếp việc nhà và hỏi ý-kiến bà thủ-khoa Nhuận. Bà nghe nói đến đâu, nét mặt tỏ vui-sướng đến đấy như đã tới lúc cho bà được cất một gánh nặng trong tinh-thần vậy. Bà nói :

— Ai cũng có nghĩa-vụ phải hy-sinh với tổ quốc, còn phải hỏi gì nữa ! Huống chi còn việc thù nhà, mấy lời của cha con dặn lại trước lúc chém... Các con xét là việc có thể làm, thời-cơ đáng làm, thì cứ việc làm đi !... Mẹ cầu trời khấn Phật cho.

— Nhưng anh em chúng con chỉ băn-khoăn về chỗ quân-thù sẽ giận cá chém thớt, để mẹ già phải liên-lụy, thật không đành lòng ! Cô vừa nói vừa khóc. Vả lại bây giờ con lên Thái-nguyên, mẹ ở nhà thui-thủi một mình.

— Chết nỗi ! Sao con ông thủ-khoa Vân-cốc lại yêu bóng vía thế ư ?... Ở đời chỉ những lo quanh sợ quẩn thì còn làm nên trò-trống gì ?... Mẹ đã có cách tự thoát, các con không phải lo nghĩ !

Cách tự thoát của bà là cách nghĩa-liệt như bực mẹ các dũng-sĩ Chuyên Chư, Nhiếp Chính đời xưa: tự hủy mình trước đi, để cho con yên tâm làm việc, khỏi phải lo-nghĩ cửa-nhà.

Thật thế, ngay đêm hôm ấy, bà lẳng lặng thắt cổ tự tận, để khuyến-khích các con làm việc cách

mạng ; giờ các con bà chỉ có việc đi thẳng tới, không còn phải bận-bịu ngoảnh lại phía sau nữa.

Cô chôn cất mẹ già rồi lên thẳng Thái-nguyên, trở nên người vợ yêu-dấu mong mỏi của thầy đội khố xanh họ Trịnh.

Liền đấy cô xoay-xở bao thầu cơm tù cơm linh, cho được mỗi ngày hay lần ra vào đề-lao, đem những thư-từ tin-tức của các chính-trị-phạm — nhất là của ông Lập Nham mà ông đội Cấn vẫn kính-mến và thường hỏi ý-kiến mỗi khi gặp việc khó-khăn — khích-lệ ông đội Cấn đã ôm-ấp chí lớn, thì nên mau mau cử sự đi, kẻo lỡ cơ-hội.

Cô là người có tâm cơ, lại biết chữ ít nhiều, cho nên đội Cấn càng tin-yêu, không ngần-ngại phủ thác mọi viện bí-mật.

Mỗi ngày cô lại đem những truyện xa tình gần, thù nhà nợ nước tỷ-tê khuyên-lơn thúc-giục chồng, hết sức thiết-tha khẩn-khoản. Hơn nữa cô lại khéo làm cho cố kết tấm lòng cộng-sự của đội Giá, cai Xuyên là bạn đồng tâm mưu đồ khởi nghĩa với Đội Cấn.

Mùa hạ năm đinh-tỵ (1917), hai lần đội Cấn dã toan cử sự, nhưng giờ chót lại ra lệnh hoãn ; rồi đến đêm hôm 13 tháng 7, lá cờ cách-mệnh treo cao trên thành Thái-nguyên, cô em gái cả Thấu và hai Vịnh là một vai chủ động gián-tiếp vậy.

Cụ nghè Tập-xuyên Ngô đức Kế hồi đó còn ở Côn-lôn, được gặp những người thất bại Thái-nguyên bị đày ra đảo, kể truyện tường-tận, nhân thế cụ viết thành tập « THÁI - NGUYÊN THẤT

NHẬT QUANG PHỤC KÝ » gọi người đàn-bà hy-sinh ấy là hiệp-nữ.

Chỉ tiếc không có ai biết rõ cái đời của hiệp-nữ kết-cuộc ra sao. Có người nói sau khi Quang-phục-quân bại trận phải bỏ tỉnh thành Thái-nguyên rút vào rừng núi, hiệp-nữ đi theo sát cánh Đại-đô-đốc họ Trịnh, rồi bỏ mình ở trận Tam-đảo, khoảng cuối tháng tám ta, cả hai người anh cũng chết ở trận ấy.

Quân Pháp đi đánh giẹp, cũng nhìn-nhận mấy lúc đầu có cả đàn-bà ở trong tàn binh Đội Cấn, có phải chính là hiệp-nữ đấy chăng ?

VI

THÁI-NGUYÊN KHỞI NGHĨA

Nằm vào khoảng giữa trung-châu và thượng-du, núi non trùng điệp, hình-thế hiểm-yếu, tiện đường giao thông với Tàu, tỉnh Thái-nguyên vốn là đất thuận lợi nhiều bề cho những người anh hùng dụng võ. Cho nên ở đấy từ xưa, thường thấy binh đoan chiến-sự kế tiếp diễn ra luôn luôn. Khi thì chống cuộc ngoại xâm, khi thì làm ồ nội chiến.

Có thể nói từ những hồi lịch-sử ta mới bắt đầu, rồi trải qua thời-đại Bắc-thuộc nghìn năm, cho đến thời-đại tự-chủ Đinh, Lý, Trần, Lê, dễ thường không có mấy tấn kịch chiến-tranh quan-hệ mà không lấy Thái-nguyên làm sân-khấu. Lý thường Kiệt đánh phá quân Tống ; Nùng trí Cao xưng hùng non xanh, nhà Trần hai phen cự giặc Hồ-Nguyên ; Lê thái Tổ đuổi Vương Thông, Trương Phụ ; hai họ Trịnh, Mạc huyết chiến ; Tây-sơn theo giết quân Mãn Thanh ; ấy là những trận ngoại-xâm nội-chiến to nhất trong lịch-sử, nhiều màn trọng-yếu đã diễn ở trên mặt đất Thái-nguyên.

Đến khoảng cận-đại, cũng trên đất hiểm ấy, Nông văn Vân khởi binh chống cự Nguyễn-triều ;

bọn giặc khách Ngô Côn, Hoàng sùng Anh tràn sang nương-náu quấy-nhiễu ; rồi tới quân Pháp cùng quân Tàu giao chiến nhiều trận để tranh lấy chủ-quyền miền Bắc.

Sau khi thực-dân Pháp lấy võ-lực đặt xong cuộc đô-hộ ở đây, ta hãy kể một thời-gian từ 1885 đến 1913, những người khí-khái trượng-phu, ghét thù Pháp-tặc : Đề Huỳnh, sau Đề Thám kế tiếp nổi lên, dựa thế núi rừng hiểm-trở ở Thái-nguyên mà chống cự dằng-dai, không lúc nào ngớt. Nhất là Đề Thám, ngót hai chục năm, khi trá hàng lúc quyết đấu, dù binh-lực khí-giới đều kém-thua, cũng cứ tiếp-tục kháng chiến quanh vùng mấy tỉnh Bắc-giang, Thái-nguyên, Phúc-yên, làm cho bên địch vất-vả tốn-kém vô số. Người Pháp dụ mãi không xong, đánh mãi không được, đến nỗi phải dùng lối tiểu-nhân là thuê mấy tên giặc khách trà trộn vào làm thủ-hạ Đề Thám, thừa cơ giết chết ông ta trong khi đang ngủ. Mà rồi khoản tiền thuê mấy chú khách, bọn thực-dân vỗ trơn không trả, người ta đòi-hỏi thì chúng trở mặt, trục xuất cảnh ngoại.

Kế đó mấy năm, Thái-nguyên lại nổi thanh danh như cuộc khởi nghĩa của hai người anh-hùng Lập Nham và Đội Cấn. Cho tới kỳ chiến-tranh này, Việt Minh lập chiến-khu chống - cự Pháp Nhật cũng ở đấy.

Nhà thơ Tùy Viên nói đúng thật : phàm chỗ non xanh cảnh lạ xưa nay, dù muốn nhàn thân cũng không thể nhàn được ; thân nó chẳng bị các ông danh-sĩ thi-gia đè ra ngâm vịnh ca tụng, thì lại

có người anh-hùng dựa nó làm sào-huyệt, làm căn-cứ, thi-thố những việc phi thường. Giang-sơn Thái-nguyên, tức là thứ giang-sơn không mấy lúc được nhàn đó.

. ˙ .

Sáng sớm hôm 13 tháng 7 năm đinh-tỵ, tức ngày 30 tháng 8 dương lịch 1917, dân-cư hàng phố Thái-nguyên thức dậy đã thấy tỉnh-thành đổi lạ quang-cảnh. Ngoài phố, từng tiểu-đội lính ta bồng súng đi đi lại lại có vẻ hớn-hở, cánh tay đeo băng năm chữ nho « THÁI NGUYÊN QUANG PHỤC QUÂN ». Nhìn lên cột cờ trại lính thấy lá cờ Ngũ Tinh phấp-phới ngạo - nghệ trước gió. Các ngả đường dán tờ bố-cáo đứng tên Đại-đô-đốc Trịnh Cấn, báo cho dân-chúng biết rằng binh-lính cách-mạng ta đã khởi nghĩa đánh đuổi thực-dân, khôi-phục tỉnh-thành.

Bấy giờ mọi người mới hiểu ra lúc nửa đêm có những tiếng súng nổ, tiếng kèn thổi, tiếng reo hò rầm-rĩ ở phía trại lính khố xanh về đề-lao, ấy là cuộc khởi nghĩa của lính ta mà người cầm đầu tức là Đội Cấn, do sự khích-lệ bí-mật của Ba Quyến, một nhà cách-mạng có tiếng, đã tốt-nghiệp võ-bị Nhật-bản, người Pháp bắt giam trong ngục bản-tỉnh hơn một năm nay.

Đội Cấn, tên thật là Trịnh văn Đạt, người làng Yên-nhiên, phủ Vĩnh-tường, vốn nhà làm ruộng, thuở nhỏ chỉ được học chữ nho ít lâu, rồi phải ở nhà làm lụng đồng-áng, giúp-đỡ cha mẹ

Năm ngoài 20 tuổi, đi ứng mộ lính khố xanh, mới đổi tên là Cấn. Vào khoảng 1909 hay 1910, lên

đóng ở Thái-nguyên, lập công-lao trận-mạc nhiều, không mấy chốc được thăng đội-trưởng.

Tính người bào-hiệp, hiếu nghĩa, có lòng yêu nước âm-thầm, thích nghe kể truyện cần-vương của các cụ ngày trước. Những lúc Đề Thám tràn qua địa-phận Thái-nguyên Cấn thường sung vào đội quân đi tiễu, tuy phải bắn thì bắn nhưng trong lòng vẫn hâm-mộ Đề Thám, nhìn-nhận hành-vi của ông này là đáng kính-phục. Có lần, Cấn với một bạn đồng ngũ đã suýt đánh nhau vì truyện Đề Thám ; Cấn gân cổ cãi Đề Thám là người ái quốc, chứ không phải giặc cướp như thực-dân vẫn gia tiếng cho ông ta.

Từ năm 1913, tỉnh Thái-nguyên, ở dưới quyền thực-dân cai-trị roi vọt của công sứ Darles là tên đứng đầu tứ hung, lính-tráng và tù-phạm đi làm cỏ vê, thường bị đánh đập tàn-nhẫn ; đánh tới máu thịt tơi bời, không kể sống chết. Đội Cấn thấy thế, lấy làm bất bình, chẳng những oán-ghét một mình Darles, lại cừu hận chung cả chính-sách áp-chế của thực-dân. có hôm nói riêng với Đội Giá, bạn thân :

— Chả trách những ông đang nằm bên đề-lao kia họ làm cách-mạng !

Mầm chống thực-dân tiềm-tàng trong óc Đội Cấn từ đó, chỉ còn đợi các nhà cách-mạng bên đề-lao ra công tài-bồi là được nẩy-nở.

Đề-lao Thái-nguyên lúc bấy giờ. ngoài ông Lương ngọc Quyến, có Ba Chi, Cả Thấu, Hai Vịnh, Nguyễn gia Cầu, ông tú Hồi Xuân, Ba Nho, Ba Quốc v.v . . . tất cả hơn mười người trong tù quốc sự, người thì can vào vụ ném bom năm 1913, người thì là bộ tướng của Đề Thám.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Như trên đã nói, Đội Cấn có lòng kính-mến những người đã vì việc nước mà bị tù-tội, cho nên thường tìm cách giao thông tin-tức và giúp-đỡ họ, bởi vậy mấy người tù nhẹ vẫn được ra ngoài làm việc, hoặc là bạn lính canh-gác đề-lao. Nhất là đối với ông Lập Nham càng tỏ lòng quý-trọng tin phục vì Cấn hiểu rõ cả gia-thế, học-thức của ông, định sẵn trong trí rằng một mai khởi nghĩa tất phải nhờ ông chỉ bảo về mặt ngoại-giao và quân-sự.

Chính ông cũng biết Cấn là người hữu tâm với tổ-quốc, cho nên ra sức khích-lệ, hứa đem hết tài năng ra giúp một khi cử đồ việc lớn. Ông dụng tâm trù-hoạch ngay từ khi mới lên Thái-nguyên được mấy tháng, bí-mật thông tin cho gia-nhân và đồng-chí ở ngoài gửi bạc trăm vào luôn luôn, dùng để cưu-mang anh em trong đề-lao, mua-chuộc nhân-tình của đám lính canh-gác, phòng có một ngày kia mưu toan đại sự phải cần đến họ. Vì thế, trong việc giao-thiệp giữa ông và đội Cấn, ai nấy đều tận tâm hiệu lực với ông, đóng vai trung-gian, giữ-gìn kín-đáo ; tai mắt thực-dân đặt khắp nơi mà chẳng hay biết gì cả.

Hai người trao-đổi ý-kiến nhất trí rồi, cuộc khởi nghĩa đáng lẽ thực-hiện từ hồi tháng hai ta, nhưng lại xét ra có nhiều điều bất tiện, cho nên phải trì-hoãn đến mãi nửa đêm hôm 13 rạng ngày 14 tháng bảy. Nghĩa là trước ngày dưới âm-ty đại xá vong nhân, — gồm có anh-linh những người đã tử tiết vì nước bấy lâu, — trên dương-gian, một nhóm

nghĩa-sĩ mạnh-bạo đứng lên phất cờ giải phóng dân-tộc

. . .

Buổi chiều hôm ấy, Đội Cấn họp ba người bạn thề nguyền đồng-tâm là đội Giá, đội-trưởng và đội Xuyên, cùng nhau mật định cơ mưu, phân phát công việc, chỉ còn đợi giờ hành-động.

Khoảng một giờ đêm, đội Trưởng vâng mệnh đi bắt viên giám binh Noel và quản Lập. Cố-nhiên Noel và quản Lập kháng cự, đội Trưởng bắn chết cả hai, cắt lấy thủ-cấp làm vật tế cờ.

Tức thời đội Cấn thổi kèn gọi tất cả lính trong bản-trại ra đứng xếp hàng trước sân, đưa hai thủ-cấp ra hiệu lệnh và lấy đại nghĩa « giết thù cứu nước » hiểu-dụ anh em.

Lính trong trại có 175 người, độ ba chục người leo tường chạy trốn, hơn mười tên tỏ vẻ chống-cự bị bắn tại chỗ ; còn lại 131 người nhiệt-liệt hoan-hô cách-mạng

Cùng trong lúc ấy, Đội Giá chạy sang đề-lao, đã có lính ta nội ứng, bắn chết viên thủ-ngục người Pháp xong rồi, chặt xiềng mở khóa cho các tù chính trị, đầu tiên là ông Lập Nham ; Đội Giá sai mấy người lính hộ-vệ ông sang ngay trại lính khố xanh nơi đội Cấn đang chờ đợi. Một người lính phải cõng ông trên lưng, vì ta đã biết ông bị cùm ác-nghiệt lâu ngày, một chưn què liệt, không tự cử-động được.

Đội Giá lại mở tung cửa ngục cho những tù khác cũng ra, độ ngót 200 người. Tiếng reo hò mừng rỡ vang động đề-lao. Họ được dẫn về cả trại lính, để chọn người khỏe-mạnh thì phát binh phục

khí-giới cho làm chiến-sĩ, sung vào quân-đội Quang-Phục

Tây đầm trong tỉnh nghe động, vội-vã kéo nhau vào đồn lính ẩn-nấp. Đồn này chỉ có 40 lính Pháp và hai khẩu súng liên-thinh, cho nên không dám rục-rịch.

Đội Cấn mở hội-đồng quân-sự ngay lúc bấy giờ ; toàn thể đồng-chí bầu ông làm chức Thái-nguyên Quang Phục Quân Đại-đô-đốc, phụ-trách nhất thiết việc quân ; ông Lập Nham thì làm quân-sư, chỉ ngồi một nơi bàn-soạn chiến-lược, định đoạt binh cơ, chứ không xông-pha trận-mạc được như mọi người.

Theo ông đề-nghị, Quang-phục-quân lấy cờ năm sao làm hiệu cờ cách-mạng. Sáng sớm, tờ tuyên ngôn thứ nhất, dán khắp tỉnh-thành, hiểu-dụ cho dân trong tỉnh được rõ mục-đích lính ta khởi nghĩa và khuyên ai nấy an cư lạc nghiệp. Kế đến hôm sau, tờ tuyên ngôn thứ nhì, hiệu-triệu cả đồng bào quốc dân, nên thừa lúc này người Pháp đang nguy-khốn ở Âu-châu mà vùng-dậy đả đảo đô-hộ, lấy lại độc-lập tự do. Các ngài sẽ thấy bản dịch hai tờ tuyên ngôn này ở đoạn sau.

Cứ theo điều-tra của công-sứ Darles thì tờ tuyên ngôn thứ nhất do các đồng-chí khởi nghĩa họp nhau thảo ngay lúc đêm, có ông Lập Nham nhuận sắc ; còn tờ thứ hai thì một tay ông viết.

May đời cho tên đầu đảng từ hung đi Đồ-sơn vắng mà được khỏi chết đêm hôm ấy, vì anh em cách-mạng đã bàn-định từ mấy hôm trước, sẽ lấy đầu tên thực-dân tàn-bạo ấy tế cờ khởi nghĩa.

Tảng sáng hôm sau, phần lớn tỉnh-lỵ Thái-nguyên đã về tay nghĩa-binh chiếm lĩnh. Cờ Ngũ Tinh treo trên nóc trận ; ngoài cổng trăng ngang tấm vải đề bốn chữ to « NAM BÌNH PHỤC QUỐC » Từng tiểu-đội nghĩa-binh chia nhau canh-gác các công sở, tuần-phòng hàng phố và đường-sá giao thông. Bởi vậy, dân-cư hàng phố sáng sớm thức dậy đã thấy non sông trở về bà con ta làm chủ. Có điều khá tiếc là nghĩa-binh đến nhà bưu-điện hơi trễ, thành ra viên chủ-sự đã kịp đánh giây thép cáo cấp về Hà-nội trước khi đường thông-tin bị cắt đứt.

Tính ra nghĩa-binh lấy được trong kho bạc tất cả 71.000 $. Trừ số khí-giới trong trại lính có sẵn, nghĩa-binh lấy thêm được 167 khẩu súng trường. 1 khẩu súng lục, 15 thanh gươm và 62. 125 viên đạn, nghĩa là đủ số khí-giới cần dùng phân phát cho hai đội quân mới tổ-chức, gồm những tù-phạm khỏe-mạnh vừa thả trong đề-lao ra và một số thường dân vừa mới ứng-mộ. Nhưng đến khi phải giao chiến, duy có đám lính nhà nghề cùng mấy người tù chính-trị đã có kinh-nghiệm chiến trận, là dám đương đầu kịch chiến, khiến lính Pháp phải kiêng-dè, còn lính mới mộ thì bỏ chạy tứ tán hoặc phải ra hàng ngay trong mấy trận giao phong đầu tiên.

Nghĩa-binh làm chủ tỉnh-lỵ Thái-nguyên từ đêm hôm 30 tháng 8 dương-lịch cho đến trưa mồng năm tháng 9, trước sau 7 ngày.

Từ hôm mồng hai trở đi, ngày nào quân địch cũng tấn công dữ-dội. Nghĩa-binh đào hào, đắp lũy, ứng chiến rất hăng. Những đường giao-thông với tỉnh-lỵ, ta đều mai phục khôn-khéo, cố chọn quân

giặc tràn vào. Thò toán giặc nào mạo-hiểm vào tỉnh, đều bị đón rước bằng những loạt súng bắn rất trúng đích, chết gục hai bên lề đường.

Hai ngày đầu, Pháp bị tổn-hại khá nặng ; trận nào cũng bị nghĩa-binh đánh bắt ra, không thể đặt chưn vào trong tỉnh.

Nhưng chúng quyết lấy lại tỉnh-thành, đem hơn 500 lính đủ các súng liên-thinh, đại bác, khởi từ chiều hôm mồng 4, đồng thời hai mặt tấn công bắn vào trận tuyến của nghĩa-binh dữ dội.

Nghĩa-binh chống lại cực kỳ anh-dũng, nhưng vì quả bất địch chúng, vừa kém khí-giới, vừa không có tiếp viện thành ra mỏi mệt, núng thế. Hàng ngũ cách-mạng chỉ có độ 300 chiến-sĩ, giao chiến với giặc đã mấy đêm ngày vất vả, giờ phải chống-cự ngót nghìn quân địch thừa-thãi khí-giới và tập-luyện đã quen, ta đuối sức thua trận không phải sự lạ.

Đến trưa mồng 5, ông Đội Cấn liệu thế không giữ nổi, truyền lệnh cho quân-sĩ bỏ tỉnh-thành lục tục rút đi.

VII

HAI BÀI HỊCH CỦA CÁCH-MẠNG-QUÂN

Từ hồi nửa đêm bắt đầu khởi nghĩa, qua ngày hôm sau, Thái-nguyên cách - mạng - quân công bố hai bản tuyên-ngôn có tính-cách như hai bài hịch-văn kể tội-trạng Pháp thực-dân và kêu gọi đồng-bào ủng hộ cách-mạng.

Theo lời những người có dự vào cuộc khởi nghĩa lúc bấy giờ — và sau người Pháp điều-tra cũng thế. — bản tuyên-ngôn thứ nhất phát biểu vào hồi nửa đêm, nghĩa là lúc Thái-nguyên Quang Phục Quân tuyên-bố thành lập Người khởi thảo hình như ông tú Hồi-xuân, ông Ba Quyến nhuận sắc lại, từ trong đề-lao hôm trước ? Bản tuyên-ngôn thứ nhì, sáng hôm sau công bố ; công sứ Darles bảo là tác-phẩm riêng của ông Ba Quyến. Song có thuyết nói cũng là một bạn chính-trị-phạm trong khám đã phụ-trách thảo ra, chứ không phải là ông Ba Quyến, vì sau lúc khởi nghĩa, công-việc chăm chú của ông là lo nghĩ kế-hoạch tác chiến, không có thì giờ bụng dạ nào viết văn.

Chúng tôi thiết nghĩ phải vì sự thật mà ghi lấy cả hai thuyết như vậy, đợi sau có dịp chất chính.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Hai bản tuyên-ngôn cùng đứng tên Đại-đô-đốc Trịnh Cấn và có lẽ nguyên-văn đều viết bằng quốc ngữ, cốt để cho tất cả đồng bào dễ xem, nay chỉ còn bản dịch ra chữ Pháp mà chúng tôi dịch lại sau đây.

Sau cuộc đảo chính mồng 9 tháng 3, chúng tôi đã nhờ người tìm lấy nguyên-văn ở trong kho văn-thư của chính-phủ đô-hộ, nhưng cũng không thấy. Có lẽ lâu ngày lẫn-lộn đâu mất, hay là đã bị tiêu-hủy đi rồi.

Có người biết rõ mỗi bản tuyên-ngôn lúc ấy Quang-phục-quân có dịch ra Hán-văn, sai chép nhiều bản để gửi đi các tỉnh, cốt hiệu-triệu sĩ-phu. Không biết có ai giữ được bản ấy, tức là một tài-liệu quý-hóa để góp vào Việt-nam cách-mạng sử

I

TUYÊN NGÔN THỨ NHẤT, PHÁT HỒI NỬA ĐÊM, LÚC MỚI KHỞI NGHĨA

Đại Hùng đế - quốc năm thứ nhất, tháng 7, ngày 14

Thái-nguyên tỉnh, Quang-phục-quân Đại-đô-đốc Trịnh, bố-cáo cho dân-chúng đồng bào được biết :

Nước Việt-nam nhà ngày nay gồm trong cõi Đông-dương, nguyên xưa là đất Tương-quận (?). Dân-tộc ta vốn dòng dõi rồng tiên. Ruộng đất ta phì-nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh tú. Kể từ Hồng Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các

triều-đại Kinh-dương-vương, Đinh tiên Hoàng, Lê đại Hành, Lý, Trần, Hậu Lê rồi đến bản-triều Nguyễn-thị, mỗi đời kế tiếp mở-mang bờ cõi thêm to, điểm-tô non sông thêm đẹp. Phải biết tổ-tiên ta đã tốn bao nhiêu thông-minh, bày-tỏ biết bao nhiêu nghị-lực, hy-sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây-dựng lên được giang-sơn gấm vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế-kỷ thứ XIX vừa rồi, Pháp-tặc ở Âu-châu, giả lấy danh-nghĩa thông thương truyền giáo cướp mất hương-hỏa qui-hóa của ta.

Thừa cơ lúc đó triều-đình ta còn mài-miệt trau-dồi lối học khoa-cử từ-chương, không lo gì võ-bị, chúng giở ngay thủ-đoạn bạo-ngược xâm-lăng nước ta. Thoạt tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam-kỳ, rồi sau dần dần sinh truyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người có nhiệt tâm yêu nước, phá-hủy đền-đài thành-quách ta, bóc lột tiền-tài sản-nghiệp ta.

Cũng may, ta còn có những bậc anh-hùng chí-sĩ, những người danh-vọng tài-năng, biết đồng tâm hiệp lực, kháng-cự lũ giặc ngoại xâm. Binh-lực chẳng có mấy, khí-giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách-mạng tiên-phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm-yếu để làm căn-cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví-dụ như ông Hoàng Hoa Thám một thời oanh-liệt ở Nhã-nam, hay ông Phan Đình Phùng mười năm kháng chiến ở Hà-tĩnh, ấy là chứng-cớ hiển-nhiên.

Có điều, các vì dân-tộc ấy có chỗ thủ hiểm vững-vàng mà không gặp được thời-cơ may-mắn ; đến nỗi ngoại viện là thứ rất cần dùng thiết-yếu mà

cũng không có. Thành ra khí-giới thiếu-thốn, lực-lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu-diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh-dũng của các cụ tiền-bối, không thấy người nào có đủ tài-lực nối chí làm theo.

Ngoài những hạng người lỗi-lạc hy-sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em quê mùa, chất phác, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực-dân không còn trở-lực gì phải kiêng-kỵ nữa, tha hồ hoành-hành bạo-ngược, thôi thì phá-hoại ngay những luật lệ tự chúng đặt ra ; áp-dụng những thói bán quan buôn chức ; tìm đủ cách làm cho nòi-giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt chủng ; kết án cực nặng ; hành-vi tột bực dã man ; luôn luôn nói truyện hứa hẹn khi trả. Lại còn tàn-nhẫn đến nỗi khai quật cả lăng tẩm một vị tiên-đế bản triều (1) để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng-đế ta, đưa đi an trí ở một hoang đảo thật xa (2)

(1) Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự-đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều bạc vàng châu báo. Muốn trốn trách nhiệm, Mahet làm giấy bảo các cụ thượng bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn hữu Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô đình Khả không chịu ký tên vào giấy của triều-đình xin bỏ vua Thành-thái. Nhân đấy ở kinh-đô có câu phong dao « Bỏ vua không Khả, đào mả không Bài » (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài)

(2) Vua Thành-thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cớ nhà vua rối loạn thần-kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc-kỳ làm thuộc-địa.

Vua Duy-tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại.

Cả hai cha con cùng bị đày sang cù-lao Réunion gần Phi-châu

Kể từ khi hạ thành Hà-nội tới giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm-xỉa gì đến dân tâm dư-luận.

Thuế-má thì mỗi ngày một tăng lên mãi, bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt-nam, như phải tròng cổ vào sợi giây, càng ngày càng xiết chặt thêm ; mười nhà hết chín lâm vào cảnh khốn-cùng ghê-gớm

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính-sách đô-hộ, liền bị tố-giác với quân thù, làm cho sở-nguyện phải bị đè-nén chôn vùi tức tốc.

Chao ôi ! Mỗi khi tưởng-nhớ cơ-nghiệp tổ tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây-dựng nên, mỗi khi nghĩ đến tình-cảnh nước nhà bấy lâu gian-truân khốn-khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn-nhục đã tới cực điểm, tấc lòng bi thống giang-sơn chủng-tộc sôi nổi như nung như đốt.

Kẻ thù ta hiện đang bị công-kích ở Âu-châu ; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn ; chúng bóc-lột tài-sản xứ sở mình để tiếp tế quân-nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội-nghiệp người sống phải trần lực ra làm-lụng vất-vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử-tế. Thương-hại con côi vợ góa ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình-cảnh nước nhà đau-khổ không thể tưởng-tượng. Những nỗi đau đớn kể sao cho xiết. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điêu-đứng đến nông-nỗi này, không tài nào cam chịu được nữa.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Nước ta khổ-sở kiệt-quệ, sống giở chết giở, cảnh-ngộ có khác gì một sợi chỉ mong-manh sắp đứt ; chịu-đựng đau-đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt trên giường bệnh, hấp-hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phấn-đấu để khôi-phục độc lập cho tổ-quốc, nếu bất hạnh mà mục-đích không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục-nhằn, khốn-khổ.

Bản chức, Thái-nguyên Quang-Phục quân Đại đô-đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lãng nỗi khổ của đồng-bào dân-chúng ; ngay những khi còn sống lam-lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn-khoăn tức-tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc ; nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận-tiện cho được thực hành chí muốn. Vì thế ta đành ẩn nhẫn ra đi lính tập ; hơn mười năm trường được sống chung chạ với bao nhiêu anh em cường-tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thinh, nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài-bão cừu thù Pháp-tặc, chớ hề biến tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ; ngoại viện chưa có, theo như ý ta mong mỏi, cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách chơ vơ tháo thứ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù ; bên ngoài thì có những nhà cách-mệnh ta bấy lâu trú-ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân-nhu khí-giới

về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp-tặc.

Ta chiêu-tập những anh em có tinh-thần tự do độc-lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc, và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái-nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp-phới trên kỳ đài, ta đã tuyên-bố Thái-nguyên độc-lập.

Cùng là con dân nước Việt-nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông-minh, học-thức, có thể đến đây vì ta trù mưu hoạch sách, làm những việc ích-lợi chung . ai là người có sức khỏe-mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp-đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi-thố tài-năng sáng-kiến trong cuộc tranh đấu tự-do độc-lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô-lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha !

Nay bố cáo,

(Ký tên và đóng dấu son)

II

TUYÊN NGÔN THỨ NHÌ, SÁNG HÔM LẤY XONG TỈNH-THÀNH, CÔNG BỐ ĐỘC LẬP

Đại-Hùng đế quốc năm thứ nhất tháng 7 ngày 14

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Thái-nguyên tỉnh Quang-Phục
quân Đại đô-đốc Trịnh . . . bố cáo
đồng-bào Việt-nam được biết :

Than ôi ! Trời giáng tai-họa, nước Nam nghèo-nàn. Trận gió xâm-lược từ Tây-phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế-hệ ta bị lôi cuốn tiêu-diệt bởi nó.

Kể có năm-chục năm nay, cơ đồ hương hỏa chúng ta trơ-trụi giống như một bãi sa mạc ; những tinh-hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô-lệ bi-thảm ; bốn mươi triệu anh chị em đồng bào khóc-than rền-rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng ; tình-cảnh tổ-quốc đồng-bào khiến cho những chiến-sĩ ái quốc phải động lòng xót-xa.

Bao nhiêu nỗi khổ-sở bấy lâu Trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đấng Hoàng-thiên bắt chúng ta phải chịu đau-đớn để thử tinh-thần khí-tiết chúng ta, nay ngày rủ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung-sướng thịnh-vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài-năng lỗi lạc đã hấp-thụ ánh sáng ở các nước văn-minh ngoại dương giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến thành ; trong nước thì có những người nhiệt tâm học-thức, đem ra áp-dụng vào việc báo thù cứu quốc.

Năm mậu-thân chúng ta đã giết quân thù ở,

giữa Hà-nội (1) làm cho chúng kinh hồn hoảng vía

Năm kỷ-dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng-sơn (2) khiến lòng phẫn-uất của người mình được hả-hơi ít nhiều.

Ngoài ra, phong trào Đông-kinh nghĩa thục (3) đã khích thích tinh-thần ái quốc một độ rất sôi-nổi ; tỉnh Quảng-nam nổi lên phản kháng sưu thuế (4) ; một người học-sinh mạo hiểm ném bom giữa thành phố Hà-nội (5) ; trong Nam-kỳ, Xích Long kéo cờ

---

(1) Việc đầu độc ở trại lính tây Hà-nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách-mạng hợp với Đề Thám định đánh úp lấy Hà-nội cổ-động được một số lính tập chịu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính tây, rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tiến công. Nhưng việc không thành, vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít nhiều lính tây trúng độc chết.

(2) Năm 1909, một số Đông-du học-sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nổi lên ở Lạng-sơn, giết Tây chết nhiều

(3) Các cụ Lương văn Can, Nguyễn Quyền, Đào nguyên Phổ, Phan tuấn Phong, Lê Đại, Dương bá Trạc v. v ... lập trường Đông-kinh nghĩa-thục bề ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bề trong chính là công cuộc cách-mạng kháng thực-dân. Lúc ấy là năm 1907.

(4) Năm 1908, dân tỉnh Quảng-nam khởi lên phong trào kháng cự sưu-thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biểu tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy tràn lan tới các tỉnh Bình-định, Thừa-thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy võ-lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phẫn lạ lùng.

(5) Năm 1913, Nguyễn khắc Cần ném bom vào nhà hàng Hà-nội-Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chapuis và Montgrand.

xướng nghĩa, chống-cự kẻ thù (1). Tóm lại, chúng ta vì văn-minh vì chủ quyền của tổ-quốc ra sức phấn-đấu hơn mười năm nay, tinh-thần ái quốc càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực cứu quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn Độc-lập của quốc-dân tỉnh ngộ phấn phát.

Hiện thời cả Âu-châu đang rối-ren lục-đục, tàn sát lẫn nhau. Pháp đương nguy-khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hoà riêng, thế là Pháp cô lập, mất hai tay tả phù hữu bật trọng-yếu. Thổ với Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chí mạng ; thành Ba-lê không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.

Bản-thân Pháp đã bị nguy-ngập đến thế, làm sao còn khoe-khoang bảo-hộ chúng ta được không biết ?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế, thừa lấy cơ hội hiếm-hoi thiên tải nhất thì này mà báo thù tuyết hận, khôi khục giang-sơn.

Nay phụng mệnh hoàng-đế, ta tổ-chức quân-đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Ta đã liên kết với Trung-quốc ; võ-quan với quân-sĩ ta từng chịu

(1) Lúc bắc đầu Âu-chiến 1914 — 1918, một nhóm ái quốc ở Nam-phần, phần nhiều là người có chân trong hội bí-mật Thiên Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan xích Long làm Minh-chủ, để hiệu-triệu dân-chúng cho dễ, vì Xích Long là người tu hành nổi tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong-trào Kỳ Đồng và Thiên Binh ở Bắc, năm 1897.

huấn-luyện binh-học tân thời ở các trường võ-bị Trung-quốc và Nhật-bản, ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh-nghiệm quân-sự, phen này cùng hăm-hở đem tài học và tính-mạng về, sẵn-sàng hy-sinh cho tổ-quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi-cơ ở ngoài đem về ta sẽ đánh quân thù những trận đòn sấm sét ; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.

Quân-đội cách-mạng ta có nghĩa-vụ với dân với nước, quyết không sách-nhiễu và không tơ hào xâm-phạm đến tài-sản của dân ; bất cứ trong lúc hành binh hai khi đồn trú nơi nào, Quang-phục quân chỉ có một việc là thu-phục bờ cõi của tổ tiên, giết trừ quân giặc bạch-chủng, để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc-lập tự do, an cư lạc nghiệp

Hỡi đồng bào ! Ta phải cùng nhau gắng công ra sức phen này hầu làm cho trọn sự-nghiệp vĩ-đại, lá cờ Ngũ Tinh được phấp-phới vẻ vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ-quốc.

Hỡi đồng bào ! Một Quốc-gia tân tạo, vững bền thiên thu vạn tuế, bắt đầu xây-dựng tự ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách-nhiệm tháo ách nô-lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố cáo,
(Ký tên và đóng dấu son)

VIII

ANH-HÙNG MẠT LỘ

Những người linh dự cuộc Thái-nguyên khởi nghĩa, về sau bôn ba thất trận, bị án đày ra Côn-Lôn năm sau (1918), được các anh em tiền-bối trên hải đảo săn đón hỏi truyện suốt mấy đêm ngày. Các cụ cho việc Quang-phục Thái-nguyên 7 ngày là một việc thống khoái mà họ lại chính là người trong cuộc.

Cụ nghè Ngô Đức Kế thuật lại rằng họ vừa kể truyện vừa thổn-thức, nhớ lại bảy ngày độc-lập tự do đã hưởng, nhớ lại cái kết cuộc bi-tráng của các đồng-chí Lập Nham, Đội Cấn, và tất cả anh em đã cùng nhau phiêu lưu chuyển chiến với giặc trong mấy tháng trời, khi ở đồng bằng, lúc giữa non xanh rừng rậm.

Họ nói Đội Cấn vẫn ôm chí lớn, nhưng sự thật có Lập Nham khích-thích mới quyết định khởi nghĩa ; đến lúc khởi nghĩa rồi, Đội Cấn họp ngay các bạn đồng-chí phụ-trách để bàn-định phương-lược tiến hành bây giờ nên như thế nào ?

Có hai chủ-trương. Một phái chủ-chương nên thừa lúc bên địch chưa kịp hay biết đề-phòng gì

cả, ta chia binh đi đánh lấy ít nhiều đồn-ải phụ cận, như Cao-bằng — Lạng-sơn lấy đường giao thông với các đồng-chí bên Tàu và mở rộng phạm-vi, tăng thêm lực-lượng cách-mạng. Anh em binh-lính các nơi ấy theo Tây chỉ vì thế bách mà thôi, nay thấy ta đến, tất nhiên dũng dược hưởng ứng. Cốt sao có nhiều địa-điểm đồng thời khởi nghĩa như ta, để làm thanh-viện cho nhau và chia sức đối phó của quân địch ra nhiều nơi. Có tự gây nên một lúc kháng chiến cho mạnh thì dân-chúng mới giúp, ngoại viện mới có và đại sự mới thành.

Phái thứ hai phản đối, chủ-trương cần phải giữ Thái-nguyên làm gốc, đào hào, đắp lũy, hễ chúng đến xâm-phạm thì ta đánh. Có vài ba trăm quân-lính thế này, làm sao nhất thời chia đi đánh lấy đồn-ải phụ cận mà chắc được thành công như ý?

Hai phái chống nhau kịch-liệt. Đội Cấn theo ý ông Lập Nham ngả theo thuyết thứ hai và ra lệnh cho quân cố thủ.

Đến trưa hôm mồng năm tháng 9 dương-lịch, tỉnh-thành thập phần nguy cấp. Quang-phục quân được lệnh bỏ tỉnh-thành lục tục ra đi. Đội Cấn đã xếp-đặt võng cáng sẵn-sàng, để đưa ông đi theo quân. Ông khảng-khái từ-chối, không muốn đi theo quân để anh em chiến-sĩ phải bận lòng vì mình, phải chậm-trễ trên đường bạt thiệp bôn ba, mỗi bước có giặc theo sau, mỗi bước phải quay lại cự địch. Ông quyết định chết ở Thái-nguyên, lấy hồn tiễn-đưa các chiến-sĩ. Sau mấy câu vắn-tắt yên-ủy mọi người, ông nói với Đội Cấn, thành thực và tự-nhiên:

— Ông bắn hộ một phát vào giữa ngực cho tôi khỏi trông thấy thực-dân dày-xéo lên lá cờ cách-mạng !

Bất đắc dĩ, Đội Cấn phải làm theo ý muốn ấy. Một tiếng súng nổ. Bộ đội Quang-Phục quân sau chót do Đội Cấn chỉ-huy đứng xếp hàng làm lễ chào di-thể vị anh-hùng như đối với một vị tướng tử-trận ; xong, đào hố chôn lấp tử-tế và san phẳng mặt đất, rồi mới từ-giã tỉnh-thành kéo đi.

Thật là một đời hy-sinh với cách-mạng ; sống tận-tụy chết, bi-tráng.

Ông cử Dương bá Trạc có bài thơ khóc ban Lập Nham như sau này, nhiều người còn truyền tụng :

Đoạn tuyệt gia-đình với núi sông,
Phất cờ Đông-học trẩy tiên-phong,
Lục quân Nhật-bản tinh thao-luyện,
Chiến địa Trung-hoa thỏa vẫy-vùng.
Bắc-hải vẫn ghi lời thoại biệt,
Long-xuyên bao xiết truyện trùng phùng.
Thái-nguyên độc lập năm ngày trọn (1),
Cho biết tay đây cọp sổ lồng.

Giờ ta đi theo Đội Cấn và tàn quân Thái-nguyên, cho biết cuộc khởi-nghĩa do ông Lập Nham tinh-thần chủ xướng đi đến chỗ tiêu-diệt ra thế nào ?

Sự thật, nghĩa-binh đã rút lần đi từ đêm hôm

(1) Cuộc khởi-nghĩa Thái nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng tám dương-lịch, quân cách-mạng chiếm giữ tỉnh-thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng chín mới rút lui ; tính ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn.

trước ; đến 3 giờ chiều 5 tháng 9, thì Đội Cấn và bộ đội sau chót ra khỏi tỉnh-thành, chạy về ngã Hùng-sơn.

Quân Pháp thừa thắng đuổi theo bén gót.

Từ đây trở đi, nghĩa-binh cứ phải vừa đánh vừa chạy, hết sức gian-nan lao-khổ. Khi thì hợp nhất tạm thì, khi thì tản-mác ra hai ba toán nhỏ, mỗi toán đi một đường, không liên-lạc cứu ứng được nhau. Bất cứ một toán nghĩa-binh nương-náu chỗ nào, liền có quân địch đến vây bọc đánh phá chỗ ấy. Thành ra ngày đêm phải ứng chiến luôn tay, chỉ những hồi-hộp lo chạy, không mấy lúc được yên-nghỉ. Mỗi bước chân có giặc dính theo.

Binh-số và đạn-dược mỗi ngày một giảm ít đi.

Nhờ có số tiền lớn đã lấy được ở kho bạc, cho nên bây giờ bôn ba, vấn-đề lương-thực không phải lo mấy. Đêm đến đóng quân ở làng nào, phàm mua đồ ăn thức dùng của dân, nghĩa-binh đều trả tiền sòng phẳng rộng rãi.

Đại-khái là từ ngày 13 tháng 9 cho tới mồng một tháng mười dương-lịch, nghĩa-binh quanh quất ở miền Vĩnh-Phúc yên, có toán đi tách ra, tràn về đến Hưng-yên, Bắc-ninh và có khi gần đến Hà-nội.

Chủ ý ông Đội Cấn muốn đem thủ-hạ tìm đường qua Sơn-tây lên Hòa-bình, lấy rừng núi thủ hiểm, chống nhau với quân Pháp ; nhưng họ chẹn hết đường-lối không để cho nghĩa-binh thực hành được chiến-lược thủ hiểm theo như ý muốn. Có hôm, ông với thủ-hạ đóng ở một làng ở chân núi Tam-đảo, thiếu chút nữa tất cả thầy trò cùng nguy, sau nhờ ai nấy cùng liều chết đánh giải vây mới

được thoát hiểm, lại đánh quân địch nhiều trận tổn-hại nặng nề ; chính họ tự nhận như thế.

Từ mồng một tháng mười dương-lịch cho đến 20 tháng giêng năm 1918, nghĩa-binh trở về sơn phận Thái-nguyên ; quân địch theo dõi ráo riết. Đôi bên nhiều phen kịch chiến, có lẽ to nhất là trận đánh nhau ở Đèo-nứa giữa hôm mồng 6 tháng giêng.

Trận ấy, nghĩa-binh đào chiến-hào và nấp những bụi rậm trên cao bắn xuống rất trúng địch, giết hại quân giặc khá nhiều. Một viên tướng địch là đại-úy Salel đứng trên chỏm đồi lân-cận, hô gọi nghĩa-binh đầu hàng sẽ được nhà nước khoan dung xá tội cho. Nghĩa-binh trả lời bằng đạn và nhiếc mắng tướng địch thậm tệ.

Tuy-nhiên, mỗi trận giao chiến, dù thắng hay bại, nghĩa-binh cũng phải hao hụt thêm một số người, một số đạn-dược, mà hao-hụt bao nhiên tức là mất đứt bấy nhiêu, không lấy đâu bù-đắp vào được.

Hôm mới ở tỉnh-thành Thái-nguyên ra đi, nghĩa-binh có tới ngót 300 người, thanh thế khá to. Nhưng rồi giữa đường giao chiến liên tiếp, chết lần chết mòn, phần nào kiệt lực ra hàng, phần nào thất bại bị bắt, đến ngày 20 tháng chạp tây, nghĩa là ba tháng rưỡi sau, trở về đóng tại Pháo-sơn, chung quanh Đội Cấn chỉ còn vẻn-vẹn 25 tay súng.

Quân Pháp vây bọc Pháo-sơn. Đồng thời, đưa bà mẹ già cùng vợ con Cấn ở quê quán Vĩnh-yên đến, nỉ-non vào khóc dưới chân núi, một hai khuyên-nhủ Cấn đầu hàng Bảo-hộ. Không thèm trả lời, Cấn hô thủ-hạ nhắm vào quân thù mà bắn như

mưa, tỏ mình không để cho giặc đánh được mình bằng trận tình-cảm.

Trái lại, Đội Trường lại không có tinh-thần cương quyết như thế. Va được gặp mặt vợ trong rừng hôm nay, ngày mai lén xuống núi vác súng ra thú. Các ngài hẳn nhớ đội Trường là một trong ba viên phó-tướng của Cấn

Qua ngày hôm sau, quân địch tấn công dữ dội.

Hai bên đánh nhau rất hăng.

Trận này Cấn trúng đạn trọng thương ở đùi, nhưng vẫn nhịn đau cầm quân đánh giặc, mai phục trên núi, cản-trở quân địch không sao lên núi được.

Trong lúc cầm-cự ở Pháo-sơn, Cấn có ý muốn tìm một hiểm địa ở vùng Yên-thế có thể cố thủ lâu ngày, như Đề Thám lúc nọ, để lấy chỗ dưỡng tinh sức nhuệ, rồi tìm cách tái khởi. Ông sai hai viên bộ tướng tin-cẩn là Đội Giá và Cai Xuyên dẫn một tốp thủ-hạ lén đi xem xét địa-thế, định rằng hai người tìm ra chỗ hiểm ấy rồi, bấy giờ Cấn sẽ phá vây Pháo-sơn mà đi

Song cả Xuyên lẫn Giá vừa xuống khỏi chân núi thì hành-tung bại-lộ ; quân địch theo dõi đêm ngày, khiến hai người phiêu bạt không tới được Yên-thế mà cũng không thể trở về Pháo-sơn

Đến ngày mồng 5 tháng giêng (1918) Cấn chỉ còn có 4 thủ-hạ bên mình là Ba Nho, tù quốc-sự, hai người lính và tên Sỹ, một người thường dân đi theo nghĩa-binh từ đầu.

Vừa tuyệt vọng vừa đau nhức ở chỗ bị đạn, Cấn biết đại sự hỏng rồi, không còn cách gì gượng-gạo cứu-chữa được nữa, mà nếu để quân giặc bắt được thì mang nhục ; ông bèn quyết ý tự-sát, dặn

dò mấy người kia chôn lấp thi-thể mình rồi, nên xuống núi đầu hàng quân địch.

Tức thời ông quay súng tự bắn vào bụng mà chết.

Sau khi ông chết, Ba Nho và hai người lính khóc thảm-thiết cùng tự-vẫn bên cạnh chủ-tướng mà họ tiếc-thương vô cùng.

Tên Sỹ đào lỗ, chôn cả bốn người một huyệt, luôn với các thứ khí-giới vật-dụng của họ rồi đi ra thú. Hắn nói với Pháp rằng chính hắn đã giết Cấn để báo thù cho anh vì Cấn đã truyền lệnh bắn anh hắn là xã Đoàn, làng Hoàng-xá hạ.

Pháp xét ra Sỹ nói láo để mong lập công lĩnh thưởng. Thật sự Cấn đã tuyệt vọng, tự sát, cho khỏi phải cái nhục người Pháp bắt sống.

Cấn chết rồi còn dư đảng là Đội Giá, Cai Xuyên và một ít tàn quân, gượng-gạo cầm-cự đến tháng ba cũng bị tiêu-diệt. Thế là hết Thái-nguyên Quang Phục quân.

Người được gần-gũi quen biết, đều nói Cấn nhã-nhặn giản-dị, không ưa chương hoàng bề-ngoài. Những lúc các phó-tướng như Đội Trường, Cai Xuyên, được ông phong chức đại-tá, đại-úy, mặc ngay nhung phục đeo gươm cưỡi ngựa đi quanh hàng phố, trông rất oai-nghiêm ; còn quan Đại-đô đốc Quang-Phục quân chỉ mặc bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ dạ, tay chống can, giao-tiếp với mọi người luôn luôn niềm-nở. Trong quân gọi ông là «quan chánh» khi chiến trận bôn ba cũng giữ luôn y-phục xềnh-xoàng, cử-chỉ giản-tiện như thế.

Đến can-đảm và bình-tĩnh thì ai cũng phải

phục. Mỗi khi ra trận xông-pha trước hàng tướng-sĩ, dù đạn bay vi-vút tứ phía cũng vẫn ngang nhiên đứng thẳng mình, mắt chiếu ống nhòm, miệng ra hiệu-lệnh, xem sự nguy-hiểm như không vậy.

Bất cứ đóng quân ở làng xóm nào, việc ông cần lo trước hết là sai đào chiến-hào tìm chỗ hiểm-yếu để phòng chống-cự quân địch tới đánh bất thình-lình ; xong rồi mới nghĩ đến sự ăn uống. Ông chi tiền, bảo dân làng mổ lợn thổi cơm cho bộ-hạ ăn uống xong xả ; tự ý họ muốn đi báo hay không cũng được, vì nghĩa-binh đến trú-ngụ làng nào mà người sở tại không đi trình-báo, về sau phát-giác, quân Pháp làm phiền nhiễu đủ thứ. Muốn cho dân làng khỏi hệ-lụy và không trách được nghĩa-binh, ông để cho họ tùy tiện.

Đến lúc bị vây trên Pháo-sơn, sự thế đã rõ ràng thất bại và tuyệt vọng, ông giục mấy người bộ-hạ bắn hộ mấy phát cho xong đời, nhưng họ thương xót không nỡ, tức khắc ông khảng-khái tự sát, không chịu để kẻ thù bắt sống được mình đem về kết án làm nhục.

Người ta nói Nguyễn thái Học sau này tức là con đẻ tinh-thần của ông Đội Cấn. Đời cách-mạng của Học thực-hiện bởi lòng hâm-mộ Đội Cấn mà vụ Yên-bái chịu vang bóng của vụ Thái-nguyên rất nhiều. Chính Học kể truyện mình lúc nhỏ, cùng một vài bạn trẻ đi chơi, thường sang bên làng ông Đội Cấn cho được nghe những dật-sự của ông, lấy thế làm thích. Bà lão-mẫu của nhà khởi nghĩa Thái-nguyên ôm lấy mấy cậu bé, khóc lóc và nói :

— Các cậu hãy lo trả thù cho con già !

Học nói trong tâm mình thấy nôn-nao và nẩy ra tư-tưởng cứu quốc từ đấy (1).

Năm 1930, tuy Học chưa trả thù hộ con bà lão-mẫu làng Yên-nhiên, nhưng đã theo gương ông Đội Cấn mà diễn lại khởi-nghĩa Thái-nguyên vậy.

(1) Hãy đọc « Nguyễn Thái Học » do Nhượng Tống biên-soạn, Tân-Việt xuất-bản.

IX

BA THIÊN VĂN-CHƯƠNG TUYỆT MỆNH CỦA NGƯỜI ANH-HÙNG

Sinh bình ông Lập Nham không thích lối học từ-chương, cho nên ít ngâm vịnh thơ-phú, chẳng để tâm-chí vào công-phu mài vần gọt chữ như bạn đồng thời.

Mặc dầu sinh vào một gia-tộc mà cha anh chú bác đều xuất thân khoa-cử và giữa thời-đại từ-chương khoa-cử vẫn đang thịnh-hành, ông chỉ theo đuổi cho đến khoảng 15, 17 tuổi, đi thi một khoa không trúng thì thôi. Lúc quăng lều chiếu ở trường Nam trở về, được đọc những tân-thư bên Tàu mới truyền-bá sang, liền tỉnh ngộ lối học khoa,-cử không có kết-quả gì khác hơn là giết chết dũng khí tiến-thủ của tuổi xanh và thả trôi ngày giờ vào công-việc mài-giũa hư văn vô ích.

Không bao lâu ông xuất dương, nghiên-cứu binh-học ở Nhật-bản, rồi về Trung-hoa phục dịch trong quân-đội cách-mạng, nếm trải đủ mùi bôn ba nguy-hiểm và sinh hưởng thú phong lưu ; nếu thay

người khác vào cảnh-ngộ ấy, tất đã nguồn thơ lai láng, ngâm vịnh chẳng còn thiếu gì. Nhất là một người đã có Hán-học cứng-cáp, từng chịu giáo-dục từ-chương trước khi ra ngoài thay đổi học-thuật.

Nhưng ông không thích ngâm vịnh, sau khi đã tỉnh ngộ từ chương là vô dụng và lập chí cầu học cứu quốc.

Một bạn đồng học với ông ở trường Chấn Võ kể lại cho nghe câu truyện kỷ-niệm lý-thú sau này:

— Hôm ấy được nghỉ học, tôi với ba anh Lương Lập Nham, Nguyễn thái Bạt, và Lương Nghị Khanh dắt nhau đi bộ ra ngoài thành chơi, nhằm mùa hoa đào đua nở, phong-cảnh tuyệt đẹp, xúc cảnh sinh tình con người lữ-thứ không khỏi động lòng cố hương ; Thái Bạt bỗng động hồn thơ, xướng lên một câu thế nào đó, lâu ngày tôi quên mất, chỉ nhớ là anh gật-gù đọc câu mình xướng rồi day mặt lại bảo :

— « Lập Nham nối đi ! » Anh này lắc đầu chối từ rằng mình đã quên hết lề lối làm thơ. Chúng tôi nghĩ anh tự khiêm hay là có ý kiêu-ngạo ; mọi người thúc giục anh nối vần cho vui. Anh nghiêm sắt mặt nói : — « Vì bằng ngâm thơ mà đuổi được thực-dân, cứu lại nước nhà, thì tôi đã làm mãi chả phiền các anh phải bảo ! » Lời nói nghe khẳng-khái bi-thương, khiến chúng tôi lạnh toát cả người, nguội hẳn thi hứng, lúc ấy không ai dám nghĩ đến chuyện làm nối bài thơ nữa.

Sự thật, trong khi còn học-tập quân-sự ông để hết ngày giờ và trí-não cho sự học-vấn, thao-luyện, chỉ theo đuổi mục-đích một ngày kia có thể cầm

IX

BA THIÊN VĂN-CHƯƠNG TUYỆT MỆNH CỦA NGƯỜI ANH-HÙNG

Sinh bình ông Lập Nham không thích lối học từ-chương, cho nên ít ngâm vịnh thơ-phú, chẳng để tâm-chí vào công-phu mài vần gọt chữ như bạn đồng thời.

Mặc dầu sinh vào một gia-tộc mà cha anh chú bác đều xuất thân khoa-cử và giữa thời-đại từ-chương khoa-cử vẫn đang thịnh-hành, ông chỉ theo đuổi cho đến khoảng 15, 17 tuổi, đi thi một khoa không trúng thì thôi. Lúc quăng lều chiếu ở trường Nam trở về, được đọc những tân-thư bên Tàu mới truyền-bá sang, liền tỉnh ngộ lối học khoa,-cử không có kết-quả gì khác hơn là giết chết dũng khí tiến-thủ của tuổi xanh và thả trôi ngày giờ vào công-việc mài-giũa hư văn vô ích.

Không bao lâu ông xuất dương, nghiên-cứu binh-học ở Nhật-bản, rồi về Trung-hoa phục dịch trong quân-đội cách-mạng, nếm trải đủ mùi bôn ba nguy-hiểm và sinh hưởng thú phong lưu ; nếu thay

người khác vào cảnh-ngộ ấy, tất đã nguồn thơ lai láng, ngâm vịnh chẳng còn thiếu gì. Nhất là một người đã có Hán-học cứng-cáp, từng chịu giáo-dục từ-chương trước khi ra ngoài thay đổi học-thuật.

Nhưng ông không thích ngâm vịnh, sau khi đã tỉnh ngộ từ chương là vô dụng và lập chí cầu học cứu quốc.

Một bạn đồng học với ông ở trường Chấn Võ kể lại cho nghe câu truyện kỷ-niệm lý-thú sau này:

— Hôm ấy được nghỉ học, tôi với ba anh Lương Lập Nham, Nguyễn thái Bạt, và Lương Nghị Khanh dắt nhau đi bộ ra ngoài thành chơi, nhằm mùa hoa đào đua nở, phong-cảnh tuyệt đẹp, xúc cảnh sinh tình con người lữ-thứ không khỏi động lòng cố hương ; Thái Bạt bỗng động hồn thơ, xướng lên một câu thế nào đó, lâu ngày tôi quên mất, chỉ nhớ là anh gật-gù đọc câu mình xướng rồi day mặt lại bảo :

— « Lập Nham nối đi ! » Anh này lắc đầu chối từ rằng mình đã quên hết lề lối làm thơ. Chúng tôi nghĩ anh tự khiêm hay là có ý kiêu-ngạo ; mọi người thúc giục anh nối vần cho vui. Anh nghiêm sắt mặt nói : — « Vì bằng ngâm thơ mà đuổi được thực-dân, cứu lại nước nhà, thì tôi đã làm mãi chả phiền các anh phải bảo ! » Lời nói nghe khẳng-khái bi-thương, khiến chúng tôi lạnh toát cả người, nguội hẳn thi hứng, lúc ấy không ai dám nghĩ đến chuyện làm nối bài thơ nữa.

Sự thật, trong khi còn học-tập quân-sự ông để hết ngày giờ và trí-não cho sự học-vấn, thao-luyện, chỉ theo đuổi mục-đích một ngày kia có thể cầm

binh chiến đấu với kẻ thù mà thôi, không có lúc nào nghĩ đến cái thú ngâm vịnh. Cho tới khi sang Tàu phục dịch, thì phải mải-miết về chức-vụ quân nhân, về việc thực-nghiêm binh-học để mai sau áp-dụng ở đất nhà đối với kẻ thù ; có thể nói trí-não ông chỉ lo lắng có hai chuyện : binh-sự và cách-mạng.

Vì thế ông sinh bình không có thơ văn gì truyền tụng như nhiều nhà cách-mạng khác.

Mãi đến lúc bị bắt giam hết ngục nọ đến ngục kia, bị cùm-xích tàn-nhẫn đến phát điên, lại cầm chắc phen này bọn thực-dân Pháp tất xử mình vào cực hình, lúc bấy giờ ngồi trong xà-lim, ông mới thấy thức động hồn thơ, cảm-thương thân thế, mà làm ra mấy thiên tuyệt mệnh sau đây :

Một bài là câu liễn tự điếu, tỏ mình Đông-du cầu học đầu tiên, luôn mười năm ở hải ngoại gắng gỗ kiên-cường, chỉ cốt rèn-tập nên người như hạng Nguyễn Trãi, Đặng Trần Thường, để sau này ra tay nâng-đỡ tổ-quốc, bây giờ chẳng may bị giặc bắt được giết chết, thì hồn thiêng cũng sẽ âm phù mặc trợ cho các đồng-chí làm việc Lý Bí, Lê Lợi, cứu-vớt non sông kỳ được mới thôi. Ta thấy trong câu văn của tác-giả có cái đặc sắc là chỉ dùng điển-cố nhân-vật ở trong lịch sử nước nhà ;

« *Học hải trước tiên chiên, thập niên dư*
學 海 著 先 鞭 十 年 餘
nghị lực tiến hành nghĩ dục Trãi, Thường
毅 力 進 行 擬 育 廌 常
phù tổ quốc
扶 祖 國

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

Hoàng thiên thiên sắc mệnh, cửu tuyền hạ lệnh
黄 天 偏 嗇 命 九 泉 下 靈
hồn phi sang trùng đề Bí, Lợi điện tông bang
魂 丕 爽 重 提 賁 利 奠 宗 邦

Dịch nghĩa :

Bể học vượt đầu tiên, hơn mười năm chí lớn không sờn, muốn đúc Trãi, Thường phù nước tổ

Trời xanh xui mệnh vẫn, dưới chín suối hồn thiêng còn đó lại làm Bí, Lợi, cứu non sông.

Đến bài thơ đại ý cũng thế, tác-giả nói phen này mình chết, tất được gặp ông vua Lam-sơn, — tức Lê Lợi — quyết xin ngài trở dậy chém giết thực-dân, cứu hộ nước Nam cũng như ngày xưa ngài đã giết trừ giặc Minh vậy. Câu thứ năm than-thở đời nay không có bạn sáng-suốt tử-tế, có lẽ ngụ ý cảm-khái về sự hành-vi bất lương của người bạn đồng-chí đồng học với mình khi mới Đông-du tức là Nguyễn Tiêu Đẩu sau về hàng thực-dân Pháp lại chỉ đường vẽ lối cho thực-dân bắt mình để đổi lấy công-danh phú quý. Cũng có lẽ là ám-chỉ vào tên Thu làm ở Lãnh-sự quán Pháp tại Hương-cảng.

Bài thơ như sau này :

Học hải cầm thư lịch kỷ thu
Nam quan hồi thủ tứ du du
Bách niên Tổ-quốc quy hồ lỗ
Thất sích tàn khu phó bích lưu
Tư thế bất phùng minh thánh hữu
Lai sinh thả báo phụ-huynh cừu
Thử hành hoạch yết Lam-sơn đế
Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu

Dịch nghĩa

Bể học xông pha trải bấy lâu
Thân tù ngoảnh lại nghĩ mà đau
Trăm năm đất tổ về quân mọi
Bảy thước thân tàn mắc nước sâu
Bạn tốt đời nay sao vắng cả
Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu
Hồn ta được gặp Lam-sơn đế
Quyết mượn oai-linh chém Pháp đầu

Câu đối và bài thơ trên, ông đọc miệng cho một vị đường-huynh nghe, khi ông này vào thăm trong ngục.

Còn bài thơ Lục-bát gián thất dưới đây là bức thơ vĩnh-quyết từ trong ngục-thất Hanoi gửi ra cho phu-nhân.

Đạo phu phụ cương thường thiên cổ.
Tình thê-nô ái mộ bách niên (1).
Đêm thanh nhớ đến bạn hiền,
Đường xa gửi bức vân tiên tự tình (2).
Kể từ lúc Hải-ninh gặp gỡ (3).
Mối tơ hồng đẹp lứa đôi ta
Hương-giang khi bước chân ra.
Cầm thơ một gánh thất gia một đoàn.
Khi Thượng-hải chăn loan gối phượng,
Lúc Hàng-châu vịnh trúc ngâm mai.
Đề huề mấy chút con giai,
Nhấp men Ngô-lịnh, đua chài Châu-giang.
Nhớ gia hương bước sang Lục tỉnh.
Vượt nghìn non định tỉnh gia thân (4),
Biết bao trọng nghĩa thâm ân,
Trai tài gái nết tần tần đẹp duyên.
Bấy nhiêu năm liên uyên tịnh phượng (5).

Ngoài nghìn dặm hiệp ước hoà chung (6)
Giang-sơn trọn một chữ tòng,
Những mong Hồng-nữ, Vệ-công sánh tày (7),
Cờ Ngũ-tinh kéo về Phục quốc (8).
Kiệu tân trang sẽ rước ninh gia (9).
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Non sông mở mặt, mẹ cha thỏa lòng.
Than vận nước còn trong hội bĩ.
Lúc tình cờ phút bị gian nguy.
Làm cho Nam, Bắc phân kỳ,
Xa xôi luống những tương tư âm thầm.
Ngày sáu khắc ruột tằm vấn-vít,
Đêm năm canh hồn điệp ngẩn-ngơ.
Đoài thương nấm đất Cần-thơ (10)
Dàu dàu cỏ biếc, lờ mờ rêu xanh
Gió ào ào Nam-vinh thung cỗi (11).
Sương mù mù Hànội huyên già.
Xiết bao nỗi nước tình nhà.
Hỡi nàng giúp-đỡ cho ta thế nào ?
Ơn phụ-mẫu thiên cao địa hậu.
Mưu tử-tôn dụ hậu quang tiền (12)
Khuyên nàng lập chí cho kiên.
Hiếu thân giáo tử báo-đền cho anh.
Lòng người đã trung-thành sốt-sắng.
Giời xanh kia ắt chẳng phụ mình.
Mai sau bĩ cực thái hanh (13)
Kéo cờ Độc-lập giữa thành Thăng long.
Ba mươi triệu Lạc Long tôn tử,
Bốn nghìn năm lịch-sử quang vinh.
Giời Nam rực-rỡ văn-minh,
Sơn hà rửa sạch hôi-tanh giặc Hồ.
Cửa Nghĩa-môn bầy đồ khánh trúc (14)
Đường Ôn-như hát khúc thăng bình.

Rõ ràng phu quý phụ vinh,
Tiếng thơm muôn nước, phúc thanh một nhà.
Nợ trung-hiếu nay đà đền đ i,
Chí tang-bồng chẳng phụ làm trai.
Khi nên trời cũng chiều người,
Nàng ơi ! hãy nhớ lấy lời tình chung.

Chú-giải

1.— *thê nô* : cũng như thê-tử, nghĩa là vợ con.

2.— *vân tiên* : tờ mây. Đời nhà Đường chế ra thứ giấy vẽ mây, gọi là Vân-lam-chỉ, để viết thư từ. Nhân đấy người sau gọi bóng thư-từ là tờ mây.

3.— *Hải-ninh* : thuộc về Móng-cáy, giáp Đông-hưng nước Tàu. Phu-nhân đi sang Tàu gặp ông Lập Nham về đón ở đó.

4.— *Định tỉnh* : Sớm thăm tối viếng. Kinh Lễ dạy : « Đạo người làm con, chiều hôm thì Định, sáng sớm thì Tỉnh. « Định là buổi tối phải lo quét giường, trải chiếu, dũ chăn, buông màn, để cha mẹ yên-nghỉ ; Tỉnh là sáng sớm hỏi thăm cha mẹ đêm qua có yên giấc không ?

5.— *Liên uyên tịnh phượng :* Loài chim uyên-ương và phụng-hoàng, bao giờ con đực con cái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau. Bởi vậy người ta lấy uyên-ương và phụng-hoàng, để ví với cảnh vợ chồng sum-vầy hòa-hảo, không lúc nào xa cách.

6.— *Hiệp-ước hòa chung :* Ý nói âm-nhạc hiệp vần hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa-hảo của đôi vợ chồng.

7.— *Hồng-nữ Vệ-công* : Sự-tích nàng Hồng Phất và Lý Tĩnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên-hạ đại loạn, Lý Tĩnh còn là một người học-

trò hàn-vi, có dịp đến ra mắt một nhà quyền-quý đương thời, Hồng Phất có mắt xanh, đón biết anh-hùng ở giữa trần-ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả-nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường Thái-tông đánh Đông, dẹp Bắc, dựng nghiệp thống nhất, được phong Vệ-Quốc công.

8.— Cờ Ngũ tinh : Có 5 ngôi sao. Ta xem đây có thể biết ông Lập Nham từ khi còn ở hải-ngoại đã cùng các bạn đồng-chí dự bị một chương-trình thực-hành cách-mạng, cả đến hiệu cờ cũng đã định sẵn. Đến năm 1917 ngọn cờ phấp-phới trên tỉnh thành Thái-nguyên bảy ngày về tay cách-mạng, tức là cờ Ngũ-tinh.

9.— Ninh gia : Về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay là ninh gia.

10 — Nấm đất Cần-thơ : Cụ Cả Cương, thân-phụ của Lập Nham phu-nhân vì cách-mạng mà bị thực-dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cần-thơ rồi Cụ qua đời ở đó.

11.— Nam-vang Lung cối : Lúc này cụ Cử Nhị-khê, thân-phụ ông Lập Nham đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí tại Nam-vang kinh-đô nước Cao-mên.

12.— Dụ hậu quang tiền : Gây-dựng người sau, rỡ ràng đời trước ; ý nói dạy-dỗ con cháu cho nên người, rạng vẻ tổ tiên.

13.— Bĩ Cực thái hanh: Hết lúc bĩ đến lúc thái

14 — Cửa Nghĩa-môn : Cổng nhà Lập Nham phu-nhân ở Động-trung — Thái-Bình, đề hai chữ Nghĩa-môn tự đời Tổ-phụ để lại.

15.— Ôn Như : Biệt-hiệu cụ Cử Nhị-khê.

= HẾT =

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và nhà-văn danh-tiếng Trung, Nam, Bắc : **Bùi Kỷ — Trần Trọng Kim — Phan Văn Hùm — Trần Thanh Mại — Thi Nham — Đào Trinh Nhất — Lê Ngọc Trụ — Trúc Khê — Hà Như Chi — Phạm Trọng Nhân — Tôn Thất Lương — Nhượng Tống — Phạm Văn Diêu — Bửu Kế — Bùi Giáng — Phạm Hoàn Mĩ — Nguyễn Hóa — Bình Nguyên Lộc v. v...**

đã xuất-bản trên 350 thứ sách chia ra làm nhiều loại

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — BẬC TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-nam sử-lược* của Trần trọng Kim
(Nam Việt 150. — ngoài Nam Việt 160.)

2. — *Việt-nam văn-phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỷ và Trần trọng Kim.
(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)

3. — *Quốc-văn cụ-thể* của Ưu Thiên Bùi Kỷ
(Giá 42đ — Ngoài Nam Việt 45đ)

4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Giá 42 đ — Ngoài Nam Việt 45đ)

5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)

6. — *Việt-nam Thi-Văn giảng-luận*
của Hà như Chi — giáo-sư trường Quốc-học — Huế.

TẬP I

Từ khởi-thỉ đến cuối thế-kỷ 18. Gồm có những luận-đề về : Truyện cổ-tích — Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện Trinh Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua Lê Thánh-tông — Nguyễn bỉnh Khiêm — Nguyễn Hãng — Lê quí Đôn — Đoàn thị Điểm —

Ôn như Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân — Phạm Thái

(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam bậc Trung-học)

(In lần thứ ba — Giá N.V. 85đ Các nơi 90đ.)

TẬP II

Thế-kỷ thứ 19. Gồm có những luận-đề về: Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh-quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiểu — Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn Khuyến — và Trần tế Xương.

(Dùng trong các lớp Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học)

(In lần thứ hai N. V. 120 đ. các nơi 130 đ.)

7. — *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu — giáo-sư trường Quốc-học — Huế. Một khoa bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-sinh Đệ-tứ và Đệ-nhị bậc Trung-học

(Giá 50đ — Ngoài Nam Việt 55đ)

8. — *Hóa-học* (lớp Đệ-tứ Trung-học) của Phạm văn Hường và Phạm văn Thoại (giáo-sư trường Quốc-học — Huế

(Giá N. V. 50đ. — Các nơi 53đ.)

9. — *Lịch-sử Việt-nam (lớp Đệ-thất)* của Phạm Hoàn Mĩ và một nhóm bạn giáo-sư biên-soạn

(Giá N. V. 35đ — Các nơi 37đ.)

Sắp có bán :

Lịch-sử Việt-nam (Lớp Đệ-lục)

B. — LOẠI CỔ VĂN CHÚ-THÍCH

1. — *Truyện Thúy Kiều* của Nguyễn Du do Bùi Kỷ và Trần trọng Kim hiệu-khảo

(Giá N. V. 55đ. — Các nơi 58đ.)

2. — *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Đang in lần thứ hai)

3. — *Chinh-phụ ngâm khúc* của Đoàn thị Điểm do cụ Tôn thất Lương chú-thích

(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)

4. — *Cung-oán ngâm khúc* do cụ Tôn thất Lương chú-thích (lần thứ tư)

(Giá Nam Việt 16đ. — Các nơi 17đ.)

5. — *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiểu sửa đúng theo bản P. J B. Trương vĩnh Ký phát-hành năm 1889 có thêm phần chú-thích
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)

6. — *Truyện Trê Cóc*
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

7. — *Truyện Trinh Thử*
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

8. — *Lục-súc tranh công*
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 8đ. — Các nơi 9đ.)

9. — *Truyện Phan Trần* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)

10. — *Nguyễn Cư Trinh* với quyển *Sãi Vãi* do hai ông Lê ngọc Trụ và Phan văn Luật chú-thích và dẫn-giải
(Giá 20đ — Ngoài Nam Việt 22đ)

11. — *Hoa điểu tranh năng*
do cụ Bùi Kỷ hiệu-đính
(Giá N. V. 7đ. — Các nơi 8đ.)

12. — *Hạnh Thục Ca* của Nguyễn nhược Thị
do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)

13. — *Ngư Tiều vấn đáp Y-thuật* của cụ ĐỒ CHIỂU (tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan Văn Hùm hiệu-đính và chú-thích. — Nhượng Tống tăng bình bổ chú.
(Đang in lần thứ hai)

14. — *Nhị Độ Mai* do Thi Nham đính-chính và chú-thích.
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 45đ.)

15. — *Bích-câu kỳ ngộ* do Thi Nham
đính-chính và chú-thích
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)

16. — *Nữ Tú-Tài* và *Bần-nữ thán* do Thi Nham chú-thích
(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)

17. — *Gia-huấn ca* do Thi Nham chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 13đ.)

18. — *Nhị-thập tứ hiếu* do Cao huy Giu chú-thích
(Giá 12đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)

19. — *Quan-Âm Thị Kính* do Thi Nham chú-thích
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

Sắp phát-hành

1\. — *Chiêu hồn* hay là *Văn-tế thập loại chúng sinh* của NGUYỄN DU do Bình nguyên Lộc và Nguiễn ngu-Í chú-thích

2\. — *Tự tình khúc* của Cao bá Nhạ

C. — LOẠI SÁCH TÌM HIỂU

1\. — *Một vài nhận-xét về*
LỤC VÂN TIÊN — CHINH-PHỤ NGÂM — QUAN-ÂM THỊ KÍNH.
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)

2\. — *Một vài nhận-xét về*
TRUYỆN THÚY KIỀU và *PHAN TRẦN*
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)

3\. — *Một vài nhận-xét về*
BÀ HUYỆN THANH-QUAN
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)

4\. — *Tìm hiểu TRIẾT-HỌC LUÂN-LÝ*
(Giá N. V. 23đ. — Các nơi 25đ.)

II. — TỦ SÁCH « NHỮNG MẢNH GƯƠNG »

1\. — *Nguyễn Thái Học* do Nhượng Tống biên-soạn
(Giá N. V. 40đ. — Các nơi 42đ.)

2\. — *Phan Chu Trinh* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 42đ. — Các nơi 44đ.)

3\. — *Phan Văn Trị* — Phụ : *Học Lạc — Nhiêu Tâm* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 20đ. — Các nơi 21đ.)

4\. — *Huỳnh mẫn Đạt* — Phụ : *Thủ-khoa Nghĩa* và *Thủ-khoa Huân* do Nhất Tâm biên-soạn
(Giá N. V. 18đ. — Các nơi 19đ.)

5\. — *Phan Bội Châu* do Thế Nguyên biên-soạn
(Giá N. V. 52đ. — Các nơi 55đ.)

6\. — *Nguyễn Đình Chiểu* do Nguyễn bá Thế biên-soạn
(Giá N. V. 48đ. — Các nơi 50đ.)

7. — *Phan Đình Phùng* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 67đ. — Các nơi 70đ.)

8. — *Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên* do Đào Trinh Nhất biên-soạn
(Giá N. V. 25đ. — Các nơi 27đ.)

Sắp có bán :

1. — *Trông giòng sông Vị* (Trần Tế Xương)
2. — *Hàn Mạc Tử*
3. — *Nguyễn Khuyến*

III.— SÁCH GIÁO-KHOA bậc TIỂU-HỌC

1. — *Quan-sát* (lớp Ba) do Ty giáo-huấn tỉnh Gia-định biên-soạn theo phương-pháp thính-thị
(Giá toàn-quốc 35đ.)

2. — *Sơ-học luân-lý* của Trần trọng Kim
(Giá N. V. 23đ. — Các nơi 26đ.)

3. — *Tiểu-học Việt-nam văn-phạm* của Trần Trọng Kim — Bùi Kỷ, Nguyễn quang Oánh
(Giá N. V. 22đ. — Các nơi 24đ.)

4. — *Việt-sử*

Lớp Ba 18đ.
Lớp Nhì 28đ.
Lớp Nhất 15đ.

IV. — SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán

1. — **Thằng người gỗ** tức là quyển « Les aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế.
Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.
Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu 17 hình đen. Bìa in offset 5 màu.
(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

V. — SÁCH KHẢO-CỨU

Vương Dương Minh của Đào trinh Nhất
(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)

2. — *Việt Sử giai-thoại* của Đào trinh Nhất
(Đang in lần thứ hai)

3. — *Tinh-thần khoa-học* của Nguyễn văn Tài
(Giải thưởng Gia-long năm 1943)
(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

4. — *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)

5. — *Phật-giáo thủa xưa và Phật-giáo ngày nay.* của cụ Trần trọng Kim
(Đang in lần thứ hai)

6. — ***Nho-giáo*** (quyền thượng) của cụ Trần trọng Kim
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

Sắp có bán:

Nho-giáo (quyền hạ) của cụ Trần trọng Kim
Phật lục của cụ Trần trọng Kim

VI. — GIÓ BỐN PHƯƠNG

1. — *Trên đường giải-phóng* của nhà văn-hào Cao-ly Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)

2. — *Mái Tây* (Tây Sương ký)
một trong lục tài-tử của Tàu. Áng văn dịch bất hủ của Nhượng Tống
(Đang in lần thứ ba)

VII. — TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

1. — *Truyền-kỳ mạn lục* (toàn tập)
Tập truyền cổ Việt-nam mà cụ Vũ Khâm Lân đã cho là một « Thiên cổ kỳ bút »
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô Văn Triện
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

2. — *Lam-sơn thực lục* (tức là truyện Lê Thái-tổ khởi-nghĩa ở Lam-sơn) do Nguyễn Trãi biên-soạn và chính Lê Thái-tổ đề tựa.
(Giá N. V. 24đ. — Các nơi 26đ.)

LƯỢNG NGỌC QUYẾN
và cuộc khởi nghĩa
Thái-nguyên của Đào
trinh Nhất do nhà
TÂN VIỆT xuất-
bản và giữ bản quyền
in lần thứ nhất xong
ngày 15-6-1957 tại nhà
in riêng của nhà xuất -
bản giấy phép số 1490
T.X.B. của nha T.T.
Nam - phần Việt - nam

Giấy phép xuất - bản
số 1330/T.X.B.
của nha T.T. Nam-phần
V. N.

LƯƠNG NGỌC QUYẾN

[redacted] Nam Việt.. [redacted]
Các nơi.... [redacted]